

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG  
---o0o---

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ  
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN : PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY  
MÃ SINH VIÊN : A18454  
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN**

**HÀ NỘI – 2015**

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG  
---o0o---

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

## **ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ  
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH**

<b>GIẢNG VIÊN</b>	<b>: Ths. NGUYỄN THANH HUYỀN</b>
<b>SINH VIÊN THỰC HIỆN</b>	<b>: PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY</b>
<b>MÃ SINH VIÊN</b>	<b>: A18454</b>
<b>CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>: KẾ TOÁN</b>

**HÀ NỘI – 2015**

## LỜI CẢM ƠN

Được sự đồng ý của Khoa Kinh tế - Quản lý Trường Đại học Thăng Long và Giáo viên hướng dẫn Th.S Nguyễn Thanh Huyền, em đã thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Xây dựng Hà Thành”.

Để hoàn thành khóa luận này, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã giảng dạy em trong suốt quá trình học tập tại trường Đại học Thăng Long. Em xin chân thành cảm ơn Giáo viên hướng dẫn – Th.S Nguyễn Thanh Huyền đã tận tình, chu đáo hướng dẫn em trong quá trình thực hiện khóa luận. Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới tất cả các cô/chú, anh/chị trong phòng Tài vụ - Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng Hà Thành đã giúp đỡ em trong thời gian thực tập tại Công ty.

Do còn ít kinh nghiệm trong việc tiếp cận với thực tế nên bài nghiên cứu không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý của quý Thầy cô và các anh/chị trong Công ty để khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

**Sinh viên**

**Phạm Thị Phương Thùy**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP .....</b>	<b>1</b>
<b>1.1. Những vấn đề chung về hoạt động xây lắp .....</b>	<b>1</b>
<i>1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp .....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp .....</i>	<i>1</i>
<b>1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. ....</b>	<b>2</b>
<i>1.2.1. Chi phí sản xuất .....</i>	<i>2</i>
<i>1.2.2. Giá thành sản phẩm.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....</i>	<i>6</i>
<b>1.3. Kế toán chi phí sản xuất.....</b>	<b>7</b>
<i>1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất</i>	<i>7</i>
<i>1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....</i>	<i>8</i>
<b>1.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp .....</b>	<b>19</b>
<i>1.4.1. Xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.....</i>	<i>19</i>
<i>1.4.2. Kỳ tính giá sản phẩm xây lắp .....</i>	<i>20</i>
<i>1.4.3. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp .....</i>	<i>20</i>
<b>1.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương thức khoán gọn .....</b>	<b>22</b>
<i>1.5.1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng.....</i>	<i>22</i>
<i>1.5.2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng .....</i>	<i>23</i>
<b>1.6. Tổ chức sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>26</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH.....</b>	<b>28</b>
<b>2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</b>	<b>28</b>
<i>2.1.1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành.....</i>	<i>28</i>
<i>2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</i>	<i>29</i>
<i>2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</i>	<i>30</i>
<b>2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</b>	<b>33</b>
<i>2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....</i>	<i>37</i>

2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	37
2.2.4. Công tác kế toán tính giá thành.....	80
<b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH .....</b>	<b>86</b>
<b>3.1. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</b>	<b>86</b>
3.1.1. Kết quả đạt được.....	86
3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại và cần khắc phục .....	87
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....</b>	<b>88</b>
3.2.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	88
3.2.2. Chi phí nhân công trực tiếp.....	89
3.2.3. Lập bảng phân bổ lương và bảo hiểm.....	90
3.2.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ .....	90
3.2.5. Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán .....	90
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>.....</b>

## DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP	Cổ phần
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPNVLT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPSX	Chi phí sản xuất
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
ĐT	Đầu tư
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
MTC	Máy thi công
NVL	Nguyên vật liệu
NVLT	Nguyên vật liệu trực tiếp
PT	Phát triển
SP	Sản phẩm
SPDD	Sản phẩm dở dang
TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Bảng kê hóa đơn, chứng từ nhập mua nguyên vật liệu trực tiếp .....	41
Bảng 2.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu TK 621 .....	43
Bảng 2.3. Sổ cái TK 621-Chi phí NVL trực tiếp.....	44
Bảng 2.4. Bảng chấm công công nhân trực tiếp xây lắp .....	46
Bảng 2.5. Bảng thanh toán tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp .....	47
Bảng 2.6. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí nhân công trực tiếp.....	50
Bảng 2.7. Sổ chi tiết nhân công trực tiếp .....	51
Bảng 2.8. Sổ cái TK 622 .....	52
Bảng 2.9. Bảng kê hóa đơn, chứng từ chi phí thuê máy thi công .....	58
Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 623 .....	60
Bảng 2.11. Sổ cái TK 623 .....	61
Bảng 2.12. Bảng chấm công bộ phận quản lý Đội.....	64
Bảng 2.13. Bảng thanh toán tiền lương bộ phận quản lý đội .....	65
Bảng 2.14. Bảng kê nộp các khoản trích theo lương.....	66
Bảng 2.15. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí nhân viên quản lý đội .....	67
Bảng 2.16. Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.....	68
Bảng 2.17. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí khấu hao TSCĐ.....	69
Bảng 2.18. Bảng kê thanh toán hóa đơn, chứng từ chi phí dịch vụ mua ngoài.....	71
Bảng 2.19. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung.....	73
Bảng 2.20. Sổ chi tiết TK 627 .....	74
Bảng 2.21. Sổ cái TK 627 .....	75
Bảng 2.22. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất.....	76
Bảng 2.23. Tổng hợp chi phí sản xuất TK 154 .....	77
Bảng 2. 24. Sổ chi tiết TK 154 .....	78
Bảng 2.25. Sổ cái TK 154 .....	79
Bảng 2.26. Thẻ tính giá thành SPXL.....	82
Bảng 2.27. Báo cáo CPSX và giá thành sản phẩm.....	83
Bảng 2.28. Sổ nhật ký chung.....	84
Biểu 2.1. Hợp đồng giao khoán nội bộ cho đội xây lắp .....	35
Biểu 2.2. Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu .....	38
Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT về mua NVL cho công trình Trường chuyên Hà Nam .....	39
Biểu 2.4. Giấy đề nghị tạm ứng.....	40
Biểu 2.5. Giấy đề nghị thanh toán tiền mua nguyên vật liệu.....	42
Biểu 2.6. Hợp đồng lao động.....	45



Biểu 2.7. Giấy đề nghị tạm ứng.....	48
Biểu 2.8. Giấy đề nghị thanh toán tiền lương nhân công trực tiếp.....	49
Biểu 2.9. Hợp đồng thuê máy thi công.....	54
Biểu 2.10. Nhật ký hoạt động máy thi công.....	55
Biểu 2.11. Hóa đơn GTGT thuê máy thi công.....	56
Biểu 2.12. Giấy đề nghị tạm ứng.....	57
Biểu 2.13. Giấy đề nghị thanh toán tiền thuê máy thi công.....	59
Biểu 2.14. Lương cán bộ quản lý đội xây dựng số 1.....	63
Biểu 2.15. Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	70
Biểu 2.16. Giấy đề nghị tạm ứng.....	72
Biểu 3.1. Phiếu giao nhận vật tư.....	88
Biểu 3.2. Biên bản giao nhận vật tư.....	89
Biểu 3.3. Phiếu giao nhận chứng từ.....	90

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	9
Sơ đồ 1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp .....	10
Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sử dụng MTC thuê ngoài .....	12
Sơ đồ 1.4. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng, có tổ chức kế toán riêng và các bộ phận trong doanh nghiệp không tính kết quả riêng .....	13
Sơ đồ 1.5. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng, có tổ chức kế toán riêng và các bộ phận trong doanh nghiệp có tính kết quả riêng .....	13
Sơ đồ 1.6. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng, hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội .....	14
Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí sản xuất chung .....	16
Sơ đồ 1.8. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.....	18
Sơ đồ 1.9. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng) .....	22
Sơ đồ 1.10. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng) .....	23
Sơ đồ 1.11. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị nhận khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng nhưng không xác định kết quả kinh doanh riêng) .....	24
Sơ đồ 1.12. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị nhận khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng và có xác định kết quả kinh doanh riêng) .....	25
Sơ đồ 1.13. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo hình thức sổ Nhật ký chung .....	27
Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành .....	29
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	31
Sơ đồ 2.3. Tổ chức sổ kế toán .....	33

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

## 1.1. Những vấn đề chung về hoạt động xây lắp

### 1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia. Với chức năng tạo cơ sở vật chất, ngành xây lắp luôn phải đi trước tạo tiền đề phát triển cho các ngành khác. So với các ngành sản xuất khác, hoạt động kinh doanh xây lắp có những đặc điểm riêng về quá trình sản xuất cũng như sản phẩm hoàn thành và được thể hiện rất rõ ở những đặc điểm sau:

- Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc...có giá trị lớn, kết cấu công trình phức tạp và thời gian thi công dài. Vì vậy, các doanh nghiệp sẽ phải dựa vào kết cấu đặc điểm kỹ thuật và khả năng về vốn của mình để xác định kỳ tính giá thành phù hợp. Mỗi hạng mục công trình phải có giá dự toán riêng để giúp cho doanh nghiệp có thể hạch toán chi phí và tính kết quả lãi, lỗ cho từng khối lượng công tác thực hiện trong kỳ.

- Sản phẩm xây lắp thường cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất như xe, máy, thiết bị thi công, người lao động... phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Vì vậy công tác quản lý, công tác kế toán vật tư, tài sản vì thế mà phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, dễ mất mát, hư hỏng...

- Sản phẩm xây lắp mang tính chất riêng lẻ, đơn chiếc. Các công trình đều được tiến hành theo đơn đặt hàng và có những yêu cầu riêng về mặt thiết kế, kỹ thuật, kết cấu...Do đó, mỗi doanh nghiệp cần đề ra những phương thức tổ chức quản lý và thi công riêng biệt sao cho phù hợp với từng công trình cụ thể.

- Quá trình từ khi khởi công tới lúc hoàn thành công trình đưa vào bàn giao và đưa vào sử dụng thường kéo dài và phụ thuộc vào quy mô cũng như tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành từng công việc khác nhau, hơn nữa các công việc phần lớn diễn ra ngoài trời và chịu tác động rất lớn của các nhân tố môi trường. Nhằm hạn chế những ảnh hưởng xấu do thời tiết gây ra, doanh nghiệp cần có biện pháp quản lý lao động và vật tư chặt chẽ trong quá trình thi công để đảm bảo công trình được tiến hành liên tục, đúng tiến độ khi điều kiện môi trường thuận lợi.

### 1.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Bất kỳ một doanh nghiệp nào hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện nay cũng đều nắm rõ được tầm quan trọng của kế toán tập hợp chi phí sản

xuất và tính giá thành sản phẩm. Việc tập hợp chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp có cái nhìn toàn cảnh về thực trạng của quá trình sản xuất. Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra những quyết sách, biện pháp tối ưu trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và cũng đồng thời giúp doanh nghiệp có sự chủ động sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh.

- Để đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:
- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn.
- Xác định chính xác chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Thực hiện tính giá thành sản phẩm kịp thời, chính xác theo đúng đối tượng tính giá thành và phương pháp tính giá thành hợp lý.

Định kỳ, cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất, tình hình thực hiện kế hoạch, giá thành, đề xuất các kiến nghị cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra các quyết định thích hợp, trước mắt cũng như lâu dài đối với sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

## **1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.**

### **1.2.1. Chi phí sản xuất**

#### **1.2.1.1. Khái niệm**

Chi phí sản xuất xây lắp là quá trình chuyển biến của vật liệu xây dựng thành sản phẩm dưới tác động của máy móc, thiết bị và sức lao động của công nhân. Nói cách khác, các yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động dưới sự tác động có mục đích của sức lao động trải qua quá trình thi công sẽ trở thành sản phẩm xây dựng.

Trong các doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất bao gồm các khoản chi phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành sản xuất thi công trong một kì kinh doanh nhất định và được biểu hiện bằng thước đo tiền tệ. Chi phí sản xuất gồm hai loại:

- Chi phí về lao động sống: chi phí tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản trích theo lương của người lao động.

- Chi phí về lao động vật hóa: chi phí về sử dụng các yếu tố tư liệu lao động, đối tượng lao động dưới các hình thái vật chất, phi vật chất (nguyên vật liệu, CCDC, khấu hao TSCĐ...)

#### *1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra cũng như phục vụ việc ra quyết định. Chi phí sản xuất kinh doanh phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

##### ***Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế***

Theo cách phân loại này, các yếu tố chi phí có cùng nội dung kinh tế được sắp xếp chung vào một yếu tố không phân biệt chi phí sản xuất được phát sinh ở đâu hay dùng vào mục đích gì trong sản xuất nhằm tổng hợp và cân đối mọi chỉ tiêu kinh tế và kế hoạch của doanh nghiệp. Toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đối với doanh nghiệp xây lắp được chia thành các yếu tố sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu*: Là những chi phí nguyên vật liệu không phân biệt được trực tiếp hay gián tiếp như: xi măng, sắt, thép, cát, sỏi...
- *Chi phí nhân công*: Là toàn bộ tiền công, tiền lương phải trả, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của công nhân sản xuất trong doanh nghiệp.
- *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Bao gồm tổng số khấu hao phải trích trong kì của tất cả các tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh như nhà cửa, máy móc thiết bị,...
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Là số tiền phải trả về các dịch vụ mua ngoài sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp như tiền điện, tiền nước, tiền tư vấn,...
- *Chi phí khác bằng tiền*: Bao gồm các chi phí dùng chi hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài bốn yếu tố chi phí đã nêu trên.

##### ***Phân loại theo khoản mục chi phí tính giá thành.***

Đây là cách phân loại chi phí sản xuất phổ biến nhất trong doanh nghiệp xây lắp vì nó là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Phản ánh toàn bộ về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu...tham gia trực tiếp vào việc tạo nên thực thể của công trình.
- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp của nhân công trực tiếp xây lắp công trình; công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật tư

trong phạm vi mặt bằng thi công. Khoản mục này không bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân điều khiển máy thi công, công nhân vận chuyển vật liệu ngoài phạm vi công trình và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: là các chi phí liên quan tới việc sử dụng máy thi công sản phẩm xây lắp, bao gồm chi phí nhiên liệu động lực cho máy thi công, tiền khấu hao máy, tiền lương công nhân điều khiển máy thi công.

- *Chi phí sản xuất chung*: là các chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: lương nhân viên quản lý đội xây dựng; các khoản trích theo tiền lương của nhân viên quản lý đội, nhân công trực tiếp và nhân viên sử dụng máy thi công; tiền ăn ca của nhân viên quản lý đội và công nhân trực tiếp tham gia xây lắp; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội; chi phí vật liệu; chi phí CCDC và các chi phí khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của đội...

Cách phân loại này giúp nhà quản lý xác định được cơ cấu chi phí nằm trong giá thành sản phẩm, từ đó thấy được mức độ ảnh hưởng của từng khoản mục chi phí tới giá thành công trình xây dựng và có thể đưa ra dự toán về giá thành sản phẩm.

#### ***Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí.***

Theo tiêu thức này, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những chi phí chỉ quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất một công trình, HMCT nên hoàn toàn có thể hạch toán quy nạp trực tiếp cho từng công trình, HMCT đó.

- *Chi phí gián tiếp*: là những chi phí có liên quan đến nhiều công trình, HMCT khác nhau nên phải tập hợp quy nạp cho từng đối tượng bằng phương pháp phân bổ gián tiếp.

Cách phân loại này có ý nghĩa thuần túy đối với kỹ thuật hạch toán. Trường hợp có phát sinh chi phí gián tiếp, doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng phương pháp phân bổ, lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp. Mức độ chính xác của chi phí gián tiếp tập hợp cho từng đối tượng phụ thuộc vào tính hợp lý và khoa học của tiêu chuẩn phân bổ chi phí. Vì vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp phải hết sức quan tâm đến việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí.

### **1.2.2. Giá thành sản phẩm**

Trong doanh nghiệp xây lắp, giá thành sản phẩm được chia thành 2 loại là giá thành sản phẩm xây lắp và giá thành khối lượng xây lắp.

#### **1.2.2.1. Khái niệm**

Để thi công một công trình hay hoàn thành một khối lượng công việc nhất định cần phải đầu tư vào quá trình sản xuất, thi công một khối lượng chi phí nhất định. Những chi phí này cấu thành nên giá thành công trình hay HMCT hoàn thành.

Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí sản xuất (bao gồm chi phí NVL trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được tính bằng tiền cho từng CT, HMCT hay khối lượng xây lắp hoàn thành đến một giai đoạn quy ước hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và được chấp nhận thanh toán.

Giá thành khối lượng xây lắp là toàn bộ chi phí để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định trong một khoảng thời gian nhất định. Các khối lượng xây lắp hoàn thành là kết quả của từng giai đoạn thi công để tạo nên sản phẩm xây lắp hoàn thành. Khối lượng xây lắp hoàn thành thường được tính khi kết thúc một kỳ kế toán, có thể là tháng, quý hoặc năm.

Khác với doanh nghiệp sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp mang tính chất cá biệt. Mỗi công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp sau khi hoàn thành đều có một giá thành riêng.

#### **1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp**

Cũng như chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cũng được phân loại để phục vụ công tác hạch toán và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành

Trong ngành XD CB hiện nay đang tồn tại ba loại giá thành sản phẩm xây lắp theo cách phân loại trên là: giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế. Cụ thể từng loại giá thành như sau:

##### **- Giá thành dự toán**

Giá thành dự toán là tổng các chi phí để hoàn thành khối lượng xây lắp công trình. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức, quy định của nhà nước và khung giá quy định áp dụng cho lĩnh vực cơ bản và cho từng vùng lãnh thổ.

$$\text{Giá trị dự toán} = \text{Giá thành dự toán} + \text{Lợi nhuận định mức}$$

##### **- Giá thành kế hoạch**

Là giá thành được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở mỗi đơn vị xây lắp trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức, đơn giá áp dụng trong đơn vị. Nó là cơ



sở để doanh nghiệp phần đầu hạ giá thành sản phẩm xây lắp trong giai đoạn kế hoạch. Mức hạ giá thành kế hoạch thể hiện trình độ và năng lực quản lý sản xuất của doanh nghiệp. Mối liên hệ giữa giá thành kế hoạch và giá thành dự toán:

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành kế hoạch}$$

- Giá thành thực tế

Giá thành thực tế xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí thực tế để hoàn thành sản phẩm xây lắp của đơn vị được phép tính vào giá thành, giá thành thực tế được tính trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất xây lắp thực hiện trong kỳ.

Giá thành thực tế khối lượng công tác xây lắp: phản ánh toàn bộ chi phí bỏ ra để tiến hành sản xuất một khối lượng xây lắp nhất định trong khoảng thời gian nhất định.

Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn chỉnh là giá thành của những công trình hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo kỹ thuật đúng chất lượng thiết kế được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này cho phép đánh giá chính xác toàn diện hiệu quả sản xuất thi công một công trình, hạng mục công trình.

Giữa 3 loại giá trên có mối quan hệ về lượng với nhau như sau:

$$\text{Giá thành dự toán} > \text{Giá thành kế hoạch} > \text{Giá thành thực tế}$$

### **Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí**

- Giá thành sản xuất: bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến xây dựng hay lắp đặt sản phẩm xây lắp. Đối với các đơn vị xây lắp giá thành sản xuất gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

- Giá thành tiêu thụ: (hay còn gọi là giá thành toàn bộ) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành tiêu thụ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{toàn bộ của} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất của} \\ \text{sản phẩm} \end{array} + \text{Chi phí bán hàng} + \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Cách phân loại này có tác dụng giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng công trình, lao vụ mà doanh nghiệp thực hiện. Tuy nhiên, do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng CT, HMCT nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

### **1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí đã tập hợp. Tuy nhiên giữa chúng



có sự khác nhau về phạm vi, quan hệ và nội dung, do đó cần phải phân biệt giữa chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí sản xuất được xác định theo một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm) mà không tính đến số chi phí có liên quan đến số sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Ngược lại giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí sản xuất có liên quan đến khối lượng sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành. Trong giá thành của sản phẩm sản xuất ra trong kỳ có thể bao gồm cả những chi phí đã chi ra trong kỳ trước (hoặc trong nhiều kỳ trước) đồng thời chi phí sản xuất có thể chi ra trong kỳ này lại nằm trong giá thành sản phẩm của kỳ sau.

Chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm đều là hao phí về lao động sống, lao động vật hoá nhưng trong chỉ tiêu giá thành thì bao gồm những chỉ tiêu gắn với sản phẩm hay khối lượng công việc hoàn thành mà không kể đến việc chi phí đó đã chi ra trong kỳ kinh doanh nào. Nói đến giá thành sản phẩm xây lắp là nói đến chi phí xây lắp tính cho một khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

### **1.3. Kế toán chi phí sản xuất**

#### **1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**

##### **1.3.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Là phạm vi giới hạn chi phí sản xuất xây lắp cần được tập hợp nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát chi phí và yêu cầu tính giá thành.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau, liên quan đến việc sản xuất chế tạo các loại sản phẩm, lao vụ khác nhau. Các nhà quản trị doanh nghiệp cần biết được các chi phí đó phát sinh ở đâu, dùng vào việc sản xuất sản phẩm nào. Chính vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ phải được kế toán tập hợp theo một phạm vi, giới hạn nhất định.

Dựa trên những căn cứ và những đặc điểm tổ chức sản xuất và sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể từng công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hay nhóm công trình, các đơn vị thi công (xí nghiệp, đội thi công).

##### **1.3.1.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giới hạn của mỗi đối tượng kế toán chi phí. Trong các doanh nghiệp xây lắp chủ yếu dùng các phương pháp tập hợp chi phí sau:

- *Phương pháp tập hợp trực tiếp*: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt (ví dụ như: các công trình, hạng mục công trình, các đơn đặt hàng; các đơn vị thi công;...). Do đó, kế toán căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán cho từng đối tượng riêng biệt. Theo phương pháp này chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao. Vì vậy, doanh nghiệp sử dụng tối đa phương pháp này trong điều kiện có thể cho phép.

- *Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp*: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng. Trong trường hợp đó, phải tập hợp chung các chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng. Sau đó, doanh nghiệp lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí.

Thông thường các doanh nghiệp xây lắp áp dụng theo phương pháp tập hợp trực tiếp, có nghĩa là chi phí phát sinh theo công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó.

### **1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Tại doanh nghiệp xây lắp, công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, thiên nhiên và rất dễ mất mát, hư hỏng; ngoài ra, máy móc, thiết bị và NVL phải tập kết ngay tại chân công trình, không có kho cố định như các ngành sản xuất khác. Do đó các doanh nghiệp xây lắp phải sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nhằm hạn chế việc mất mát tài sản.

#### **1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

CPNVLTT trong xây lắp bao gồm chi phí về các NVL chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành sản phẩm xây lắp như: sắt, thép, xi măng, gạch, đá... Trong thi công xây lắp, CPNVLTT chiếm tỉ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm và được hạch toán trực tiếp cho từng công trình, HMCT. Do vậy, tiết kiệm CPNVLTT có ý nghĩa rất quan trọng trong mục tiêu hạ giá thành sản phẩm.

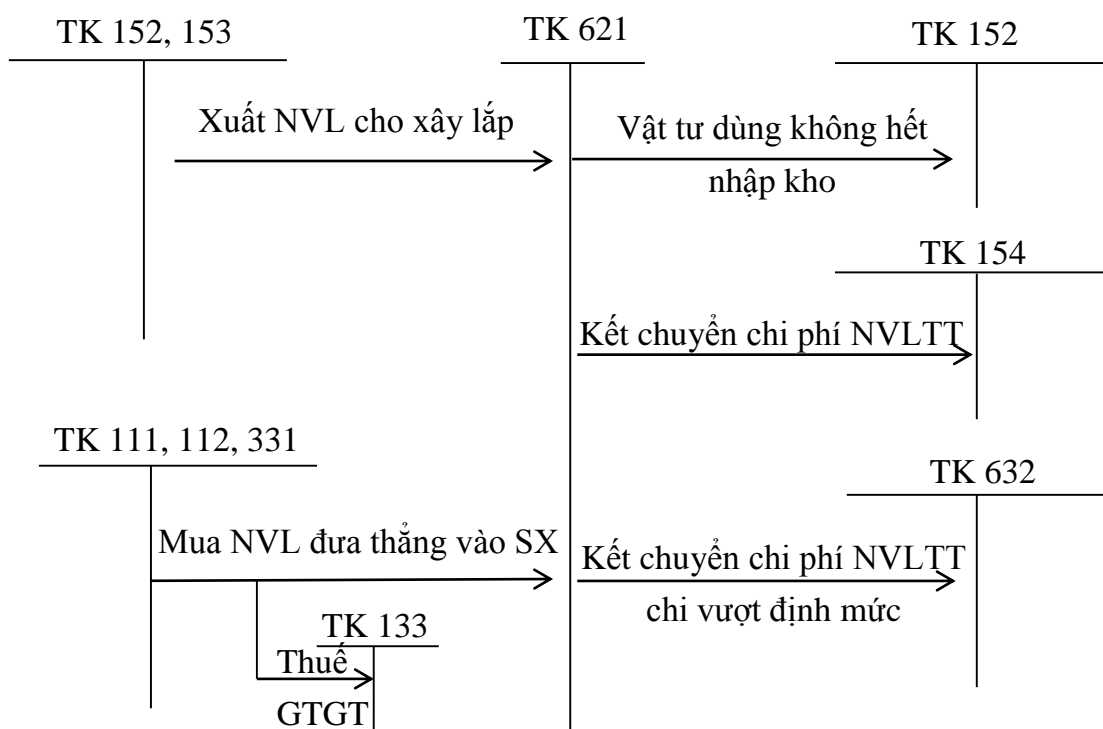
- *Chứng từ sử dụng*: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, Hóa đơn thuế GTGT, Bảng tổng hợp nhập xuất vật liệu...

- Tài khoản sử dụng: TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ	TK 621	Có
Tập hợp chi phí NVL dùng trực tiếp cho thi công công trình (NVL chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị NVL dùng không hết nhập lại kho</li> <li>- Giá trị phế liệu thu hồi</li> <li>- Kết chuyển và phân bổ CPNVLT</li> </ul>	

- Phương pháp kế toán:

### Sơ đồ 1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



#### 1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp tham gia thi công xây lắp công trình bao gồm tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương.

Chi phí này gồm có các khoản phải trả cho người lao động thuộc biên chế của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc. Quy định về hạch toán CPNCTT như sau:

Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trường

hợp tiền lương, tiền công công nhân liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì kế toán áp dụng phương pháp phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức hợp lý.

+ Các khoản trích theo tiền lương của CNTT xây lắp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) được hạch toán vào CPSXC.

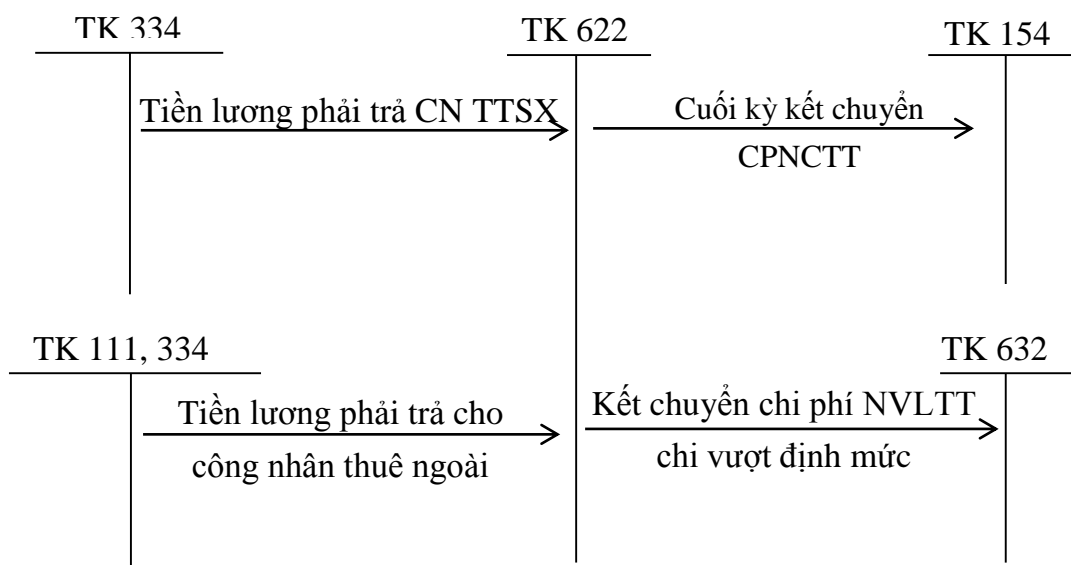
*Chứng từ sử dụng:* Hợp đồng lao động, Hợp đồng giao khoán, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương,...

*Tài khoản sử dụng:* TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” được mở chi tiết theo từng đối tượng tương tự như TK 621.

Nợ	TK 622	Có
Tập hợp CPNCTT tham gia xây lắp (lương chính, lương phụ, phụ cấp; không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	Kết chuyển hoặc phân bổ CPNCTT cho từng đối tượng chịu chi phí	
	X	

*Phương pháp kế toán:*

### Sơ đồ 1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp



#### 1.3.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công là một loại máy đặc trưng trong ngành xây dựng, đóng vai trò là TSCĐ và được sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện các khối lượng xây lắp như: cần cẩu, máy khoan, máy trộn bê tông,... CPSDMTC là toàn bộ các chi phí về nhiên liệu, vật liệu, nhân công và các chi phí liên quan đến sử dụng máy thi công và được chia thành: chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

+ Chi phí thường xuyên sử dụng máy thi công gồm: lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của công nhân điều khiển máy, phục vụ máy... chi phí vật liệu; chi phí CCDC; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí khác bằng tiền.

+ Chi phí tạm thời sử dụng máy thi công gồm: Chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trùng tu,...); chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ máy, đường ray chạy máy,...); chi phí tạm thời phát sinh trước hoặc chi phí phát sinh sau nhưng phải tính vào chi phí xây lắp trong kỳ.

Quy định về hạch toán CPSDMTC như sau:

- Nếu doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng mà giao máy cho các đội, xí nghiệp sử dụng hoặc trực tiếp thuê ngoài thì chi phí sử dụng máy phát sinh được hạch toán thẳng vào CPSDMTC.

- Nếu doanh nghiệp xây lắp tổ chức đội máy thi công riêng thì tùy thuộc vào đội máy có tổ chức kế toán riêng hay không mà CPSDMTC được hạch toán phù hợp.

- Tính toán phân bổ CPSDMTC cho các đối tượng sử dụng: công trình, HMCT phải dựa trên cơ sở giá thành một giờ máy, hoặc một ca máy hoặc một đơn vị khối lượng công việc thi công bằng máy hoàn thành.

- Cuối kỳ kết chuyển CPSDMTC để tính giá thành sản phẩm xây lắp.

- CPSDMTC vượt trên mức bình thường không được ghi nhận vào CPSX xây lắp mà được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Không hạch toán vào CPSDMTC các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy thi công (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

*Chứng từ sử dụng:* thẻ TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ, Bảng theo dõi ca xe,...

*Tài khoản sử dụng:* TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công.

Nợ	TK 623	Có
Các CP liên quan đến MTC (CP NVL, CP tiền lương của công nhân điều khiển máy, CP khấu hao)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản giảm CPSDMTC</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ CPSDMTC cho các công trình, HMCT</li> </ul>	
	X	

TK 623 được chi tiết thành:

+ TK 6231: Chi phí nhân công

+ TK 6232: Chi phí NVL

+ TK 6233: Chi phí CCDC sản xuất

+ TK 6234: Chi phí khấu hao MTC

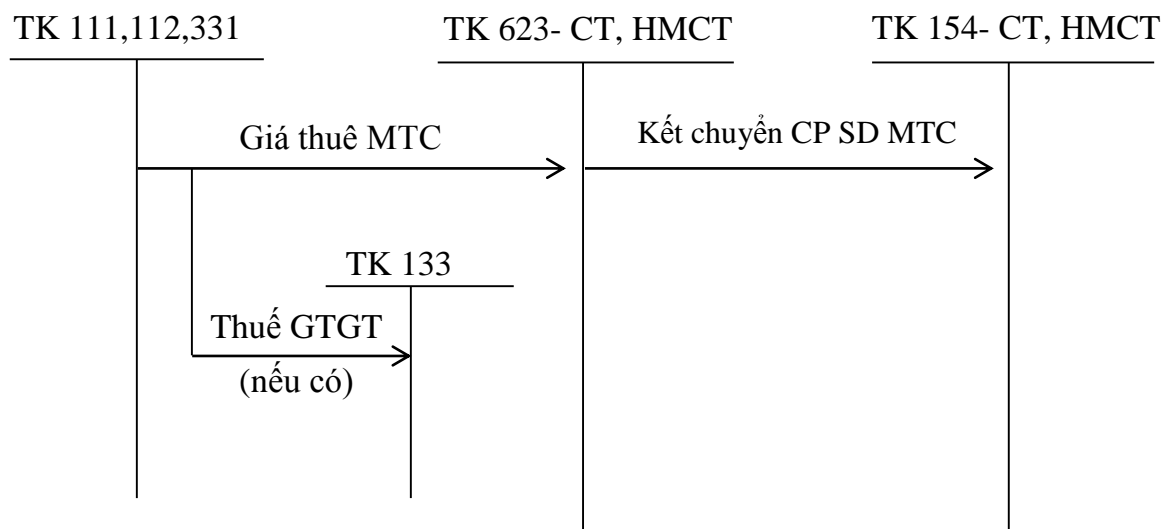
+ TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6238: Chi phí khác bằng tiền

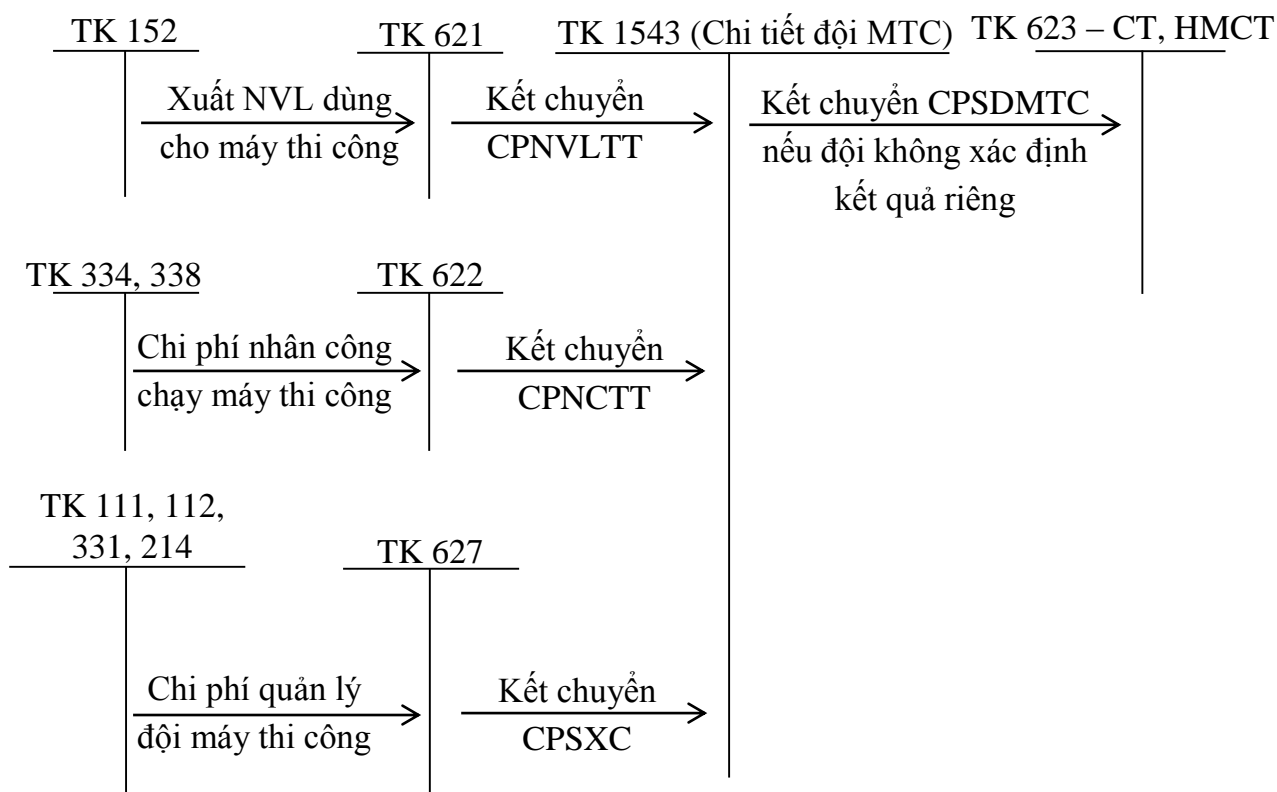
*Phương pháp kế toán:*

Trường hợp sử dụng MTC thuê ngoài:

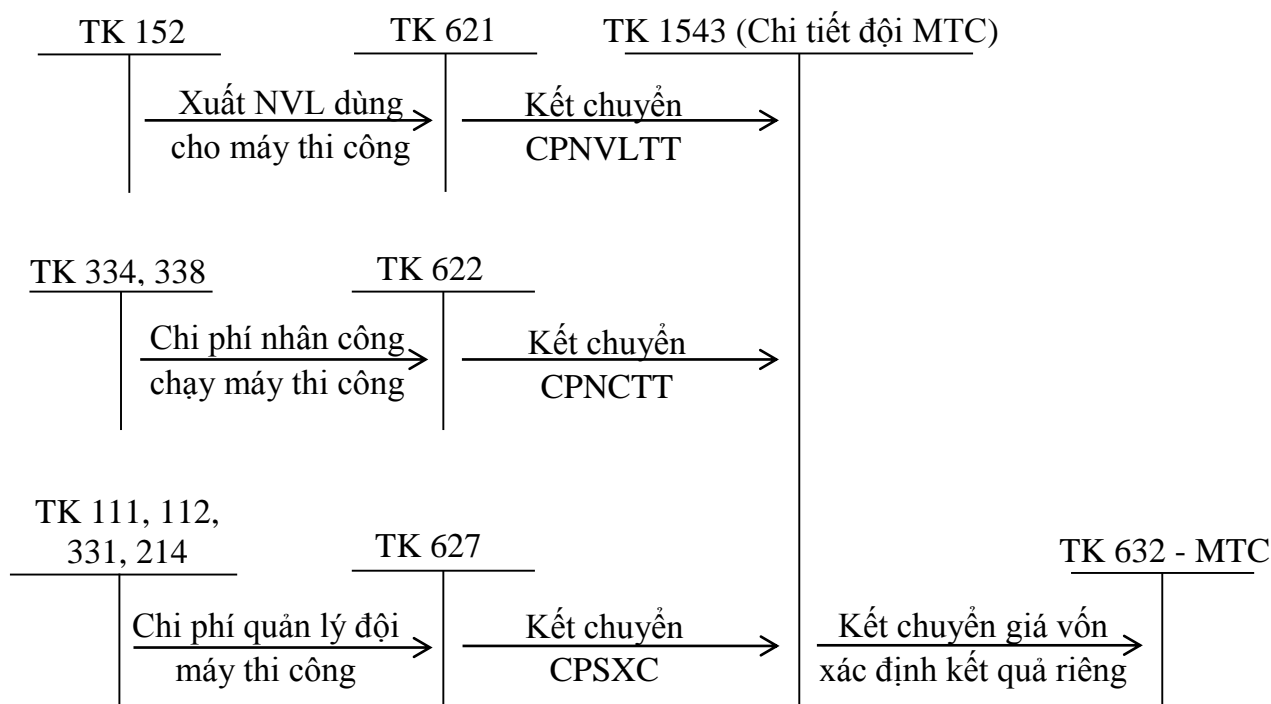
**Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sử dụng MTC thuê ngoài**

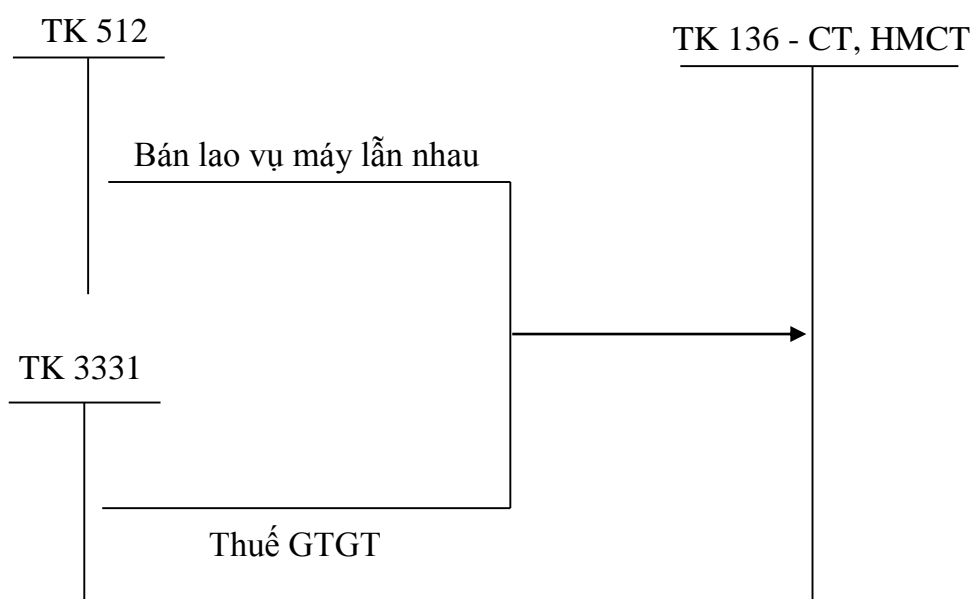


**Sơ đồ 1.4. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng, có tổ chức kế toán riêng và các bộ phận trong doanh nghiệp không tính kết quả riêng**

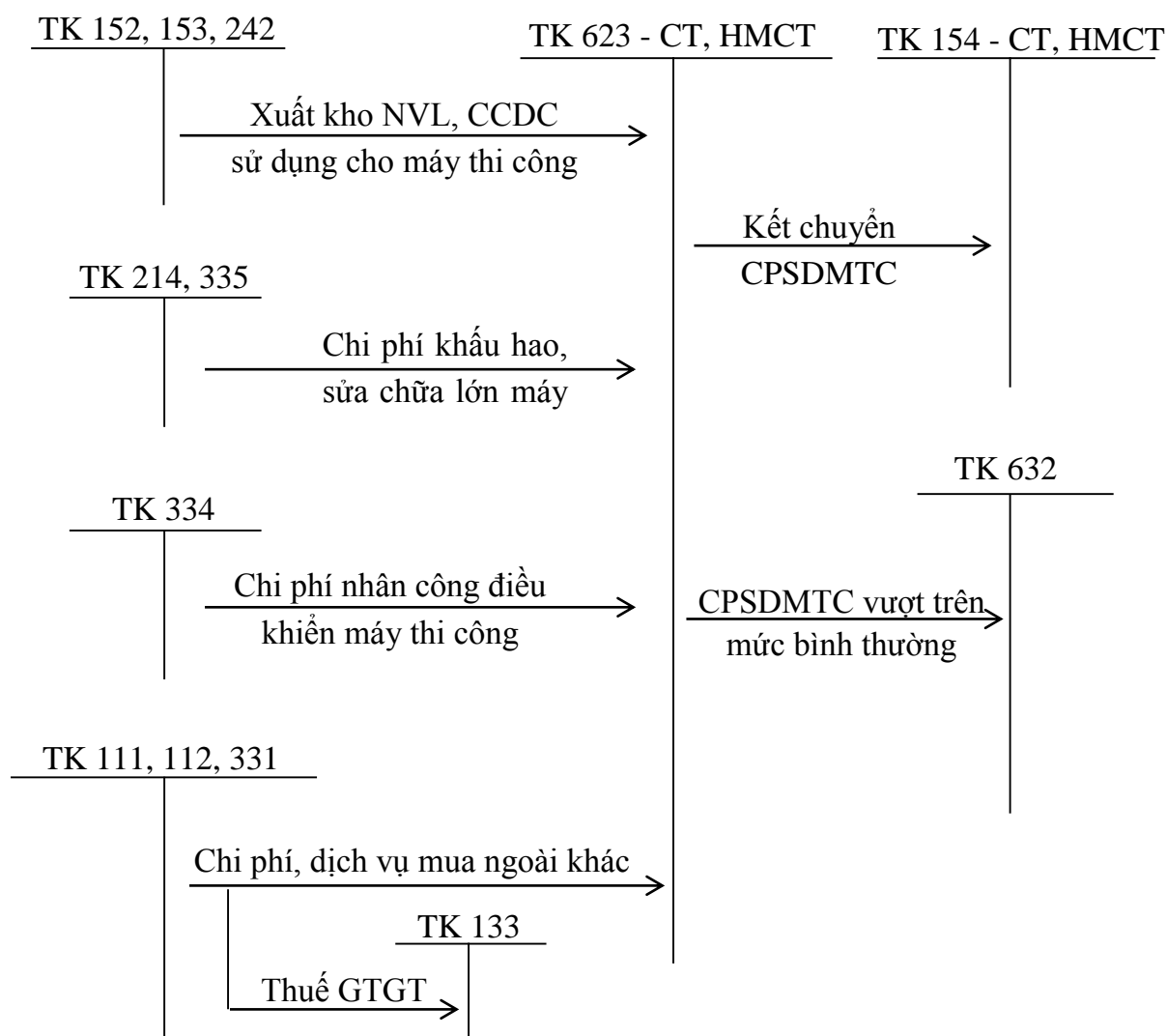


**Sơ đồ 1.5. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng, có tổ chức kế toán riêng và các bộ phận trong doanh nghiệp có tính kết quả riêng**





**Sơ đồ 1.6. Kế toán CPSDMTC trường hợp doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng, hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội MTC**





#### 1.3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí SXC là những chi phí cần thiết còn lại thực tế phát sinh trong quá trình thi công xây lắp. Chi phí này gồm lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý đội. Chi phí vật liệu sử dụng ở đội thi công, chi phí dụng cụ đồ phục vụ cho chi phí quản lý sản xuất ở đội thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài sử dụng ở đội, chi phí khác bằng tiền phát sinh ở đội thi công.

Quy định về hạch toán CPSXC như sau:

- Phải tổ chức hạch toán CPSXC theo từng công trình, HMCT và chi tiết theo các khoản chi phí theo quy định. Trường hợp CPSXC liên quan đến nhiều công trình, HMCT kế toán phải tiến hành tập hợp CPSXC theo từng nơi phát sinh chi phí, sau đó phân bổ CPSXC cho công trình, HMCT có liên quan theo tiêu thức hợp lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán CPSXC.

- Khi thực hiện khoán CPSXC cho các đội xây lắp thì phải quản lý tốt CPSXC đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán CPSXC ngoài dự toán, bất hợp lý.

- Phần CPSXC vượt mức bình thường không được tính vào CPSX xây lắp mà ghi vào giá vốn hàng bán.

*Chứng từ sử dụng:* Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ lương, Bảng thanh toán dịch vụ mua ngoài, Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, Bảng phân bổ NVL, CCDC,...

*Tài khoản sử dụng:* TK 627- Chi phí sản xuất chung.

Nợ	TK 627	Có
Tập hợp CPSXC thực tế phát sinh (lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương, chi phí NVL, CCDC, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động chung của đội,...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản giảm CPSXC</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ CPSXC cho các đối tượng chịu chi phí.</li> </ul>	
	X	

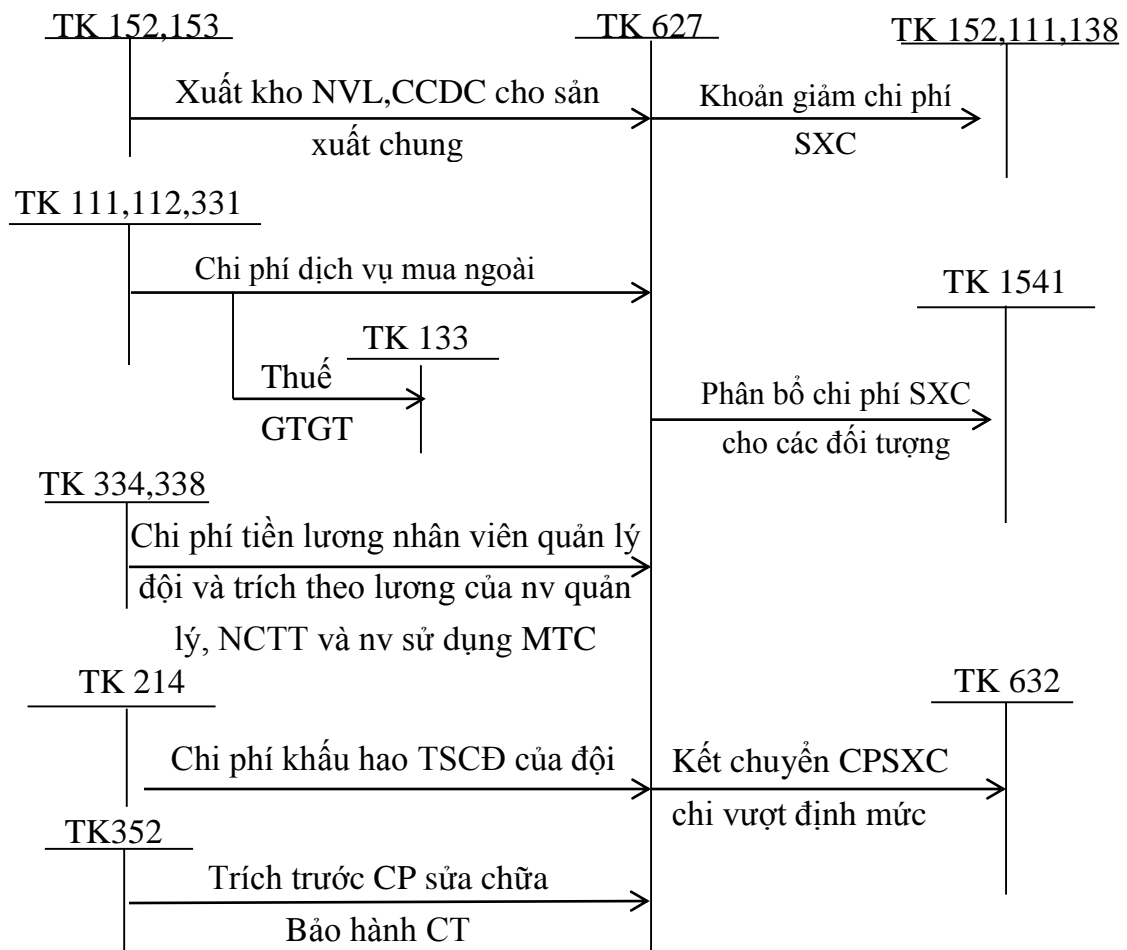
TK 627 được chi tiết thành:

- + TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- + TK 6272: Chi phí NVL
- + TK 6273: Chi phí CCDC sản xuất
- + TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278: Chi phí khác bằng tiền

*Phương pháp kế toán:*

### Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí sản xuất chung



### 1.3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí và đánh giá sản phẩm dở dang

#### a. Kế toán tổng hợp chi phí

Chi phí sản xuất sau khi tập hợp riêng từ khoản mục cuối kỳ phải tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất xây lắp nhằm phục vụ cho việc tính giá thành.

*Tài khoản sử dụng:* TK 154- Chi phí SXKD

#### TK 154

Tổng hợp CPSX phát sinh trong kì liên quan tới giá thành sản phẩm xây lắp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao được coi là tiêu thụ</li> <li>- Giá trị phế liệu thu hồi...các khoản ghi giảm CPSX</li> </ul>
Dư Nợ: Chi phí SXKD còn dở dang, chưa hoàn thành cuối kỳ, giá thành xây lắp hoàn thành chưa được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán	

TK 154 được chi tiết thành:

+ TK 1541- xây lắp: tập hợp CPSX, tính giá thành sản phẩm xây lắp và phản ánh giá trị xây lắp dở dang cuối kỳ.

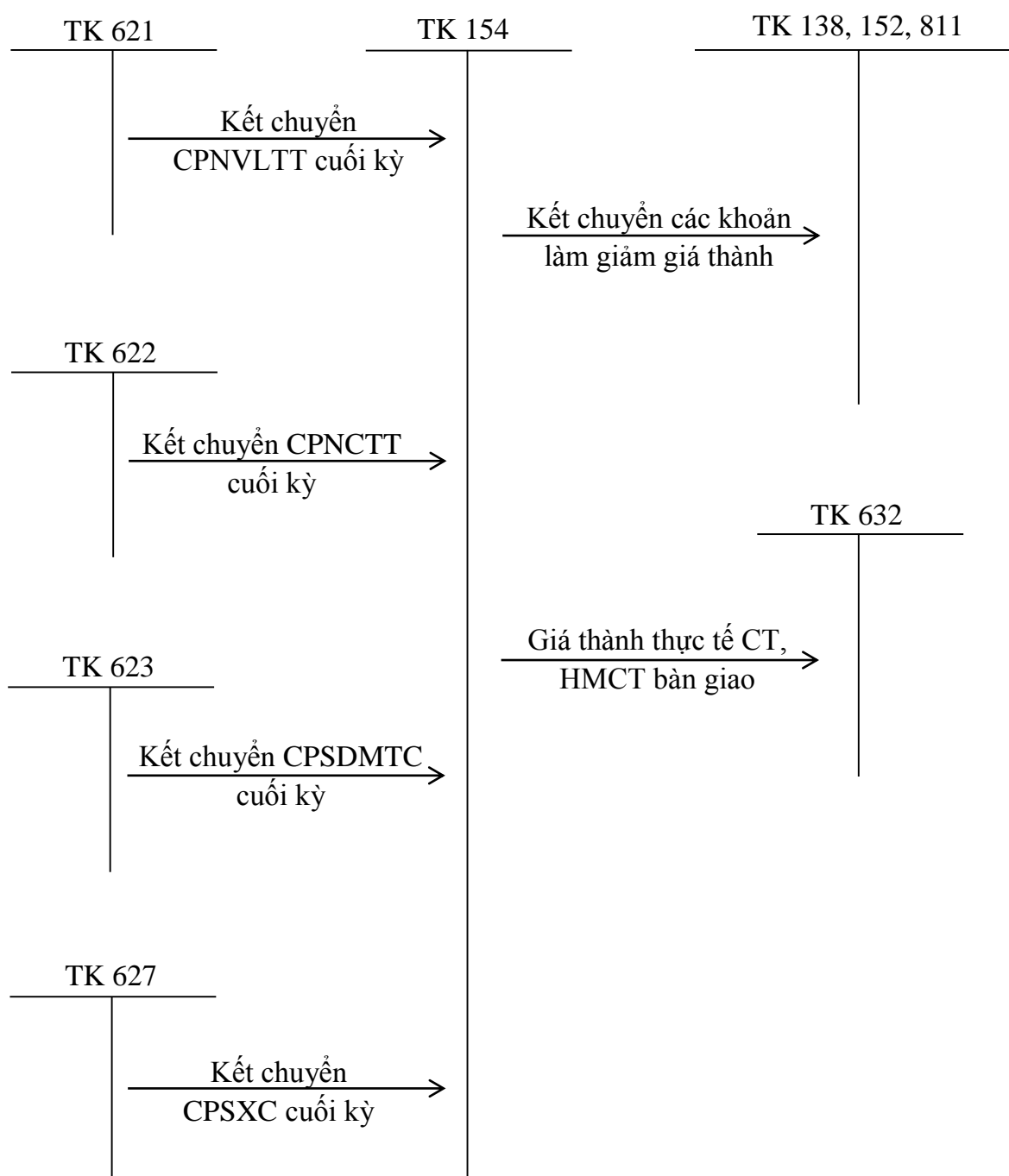
+ TK 1542- sản phẩm khác: tập hợp CPSX, tính giá thành sản phẩm khác và phản ánh giá trị sản phẩm khác dở dang cuối kỳ.

+ TK 1543- dịch vụ: tập hợp CPSX, tính giá thành dịch vụ và phản ánh chi phí dịch vụ dở dang cuối kỳ.

+ TK 1544- chi phí bảo hành xây lắp: dùng để tập hợp chi phí bảo hành công trình xây dựng, lắp đặt thực tế phát sinh trong kỳ và giá trị công trình bảo hành xây lắp dở dang cuối kỳ.

*Phương pháp hạch toán:*

**Sơ đồ 1.8. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất**



#### b. Đánh giá sản phẩm dở dang khối lượng xây lắp

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp, là các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành hoặc chưa nghiệm thu, bàn giao chưa chấp nhận thanh toán.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và bên giao thầu. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ công trình thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến cuối kỳ đó. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính giá trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng. Công thức phân bổ như sau:

$$C_{ddck} = \frac{C_{đk} + C_{tk}}{C_{htdt} + C'_{ckdt}} \times C'_{ckdt}$$

Trong đó:  $C_{ddck}$  là giá trị thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ

$C_{đk}$  là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

$C_{tk}$  là chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ

$C_{htdt}$  là giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành theo dự toán

$C'_{ckdt}$  là giá thành khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán

### 1.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

#### 1.4.1. Xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm của kế toán. Kế toán phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, tính chất sản xuất và yêu cầu quản lý để xác định đối tượng tính giá thành một cách hợp lý.

Trong kinh doanh xây lắp do tính chất sản xuất đơn chiếc mỗi sản phẩm có lập dự toán riêng nên đối tượng tính giá thành thông thường là hạng mục công trình, toàn bộ công trình, hay khối lượng công tác xây lắp hoàn thành.

Xác định đối tượng tính giá thành là cơ sở để kế toán lập phiếu tính giá thành sản phẩm, tổ chức tính giá thành theo đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh để có kế hoạch, biện pháp phân đấu hạ giá thành sản phẩm.

#### **1.4.2. Kỳ tính giá sản phẩm xây lắp**

Kỳ tính giá thành là thời gian tính giá thành thực tế cho từng đối tượng tính giá thành nhất định. Kỳ tính giá thành là mốc thời gian mà bộ phận kế toán giá thành tổng hợp số liệu thực tế cho các đối tượng. Việc xác định kỳ tính giá thành phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chu kỳ sản xuất và hình thức bàn giao công trình.

Kỳ tính giá thành trong xây dựng cơ bản phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm xây lắp và hình thức nghiệm thu bàn giao khối lượng sản phẩm hoàn thành để xác định cho phù hợp.

Thông thường kỳ tính giá thành được xác định là tháng hoặc quý, hay khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

#### **1.4.3. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp**

##### **Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp)**

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp có số lượng công trình lớn, đối tượng tập hợp chi phí phù hợp với đối tượng tính giá thành công trình, hạng mục công trình ...)

Theo phương pháp này tập hợp tất cả các chi phí sản xuất trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là tổng giá thành của một công trình, hạng mục công trình đó.

Công thức :  $Z = C$

Trong đó :

$Z$  : Tổng giá thành sản phẩm xây lắp

$C$  : Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp theo CT, HMCT.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao, thì giá thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được xác định như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của} \\ \text{khối lượng hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

##### **Phương pháp tính theo đơn đặt hàng**

Trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất kinh doanh đơn chiếc, công việc sản xuất kinh doanh thường được tiến hành căn cứ vào các đơn đặt hàng của khách hàng. Đối với doanh nghiệp xây dựng, phương pháp này áp dụng trong trường hợp các doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng và như vậy đối tượng tập hợp chi phí sản

xuất, đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng. Những đơn đặt hàng chưa sản xuất xong thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp được theo đơn đặt hàng đó là giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ

### **Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$Z = D \text{ đk} + (C1 + C2 + \dots + Cn) - Dck$$

Trong đó: C1, C2, ..., Cn là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

Dđk: Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

Dck: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

### **Phương pháp định mức**

Phương pháp này có mục đích kịp thời phát hiện ra mọi chi phí sản xuất và phát sinh vượt quá định mức, từ đó tăng cường phân tích và kiểm tra kế hoạch giá thành. Nội dung của phương pháp này cụ thể như sau:

Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành, kết hợp với dự toán chi phí được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức.

So sánh chi phí phát sinh với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích những chênh lệch đó để kịp thời tìm ra những biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, kết hợp với việc theo dõi chính xác số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành} & & & & \\ \text{tế của sản} & = & \text{định mức của} & \pm & \text{Chênh lệch do} & \pm & \text{Chênh lệch so với} \\ \text{phẩm xây lắp} & & \text{sản phẩm xây lắp} & & \text{thay đổi định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp. Tuy nhiên để phương pháp này thực sự phát huy tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán ban đầu cần chính xác và chặt chẽ.

## 1.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương thức khoán gọn

Các sản phẩm xây lắp có thể do doanh nghiệp tự làm hoặc khoán gọn cho cá tổ, đội thi công. Khoán gọn là hình thức quản lý phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta. Theo đó, các đơn vị xây lắp có thể nhận khoán khối lượng công việc, HMCT hoặc cả CT.

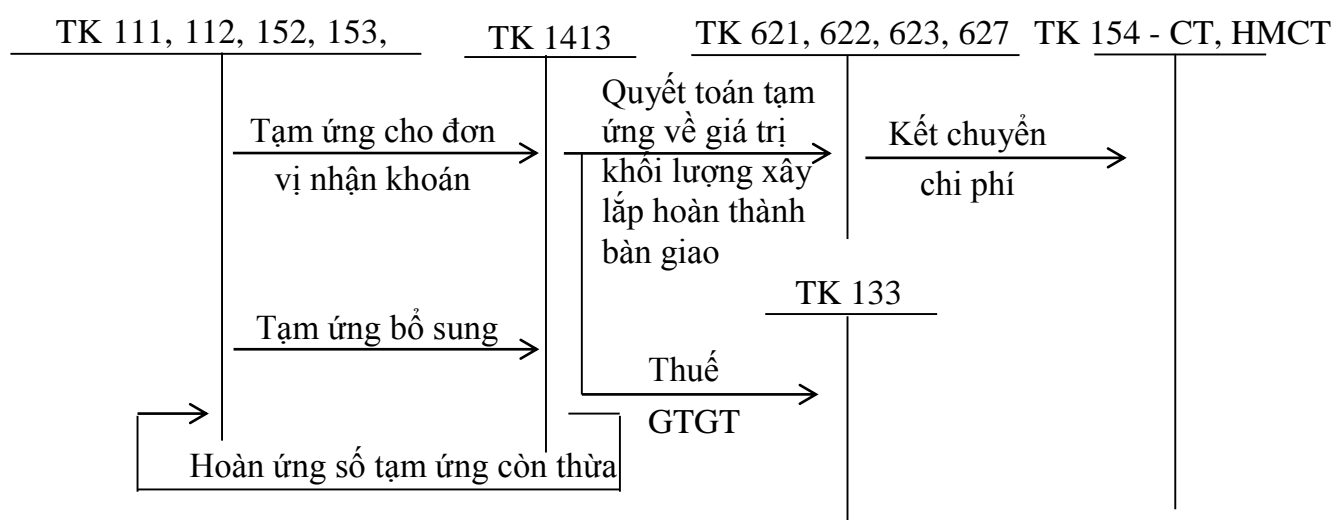
Khi nhận khoán, hai bên nhận và bàn giao phải ký kết hợp đồng giao khoán. Trong hợp đồng phải ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên trong thời gian thực hiện hợp đồng. Khi bên nhận khoán hoàn thành bàn giao khối lượng công việc thì hai bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giao khoán. Do vậy, phương thức này rất phù hợp với các doanh nghiệp xây lắp trong nền kinh tế thị trường vì nó gắn lợi ích với trách nhiệm của người lao động, đồng thời nâng cao quyền tự chủ, phát huy khả năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhận khoán.

### 1.5.1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng

Tại đơn vị giao khoán: kế toán sử dụng “TK 1413 – Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ” để phản ánh quan hệ thanh toán nội bộ về các khoản tạm ứng. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đơn vị nhận khoán, từng công trình, HMCT.

Nợ	TK 1413	Có
Số tiền, vật tư đã tạm ứng cho đơn vị nhận khoán	- Thanh toán tiền tạm ứng theo số thựcchi. - Xử lý số tạm ứng chi không hết	
SDCK: Số tiền đã tạm ứng chưa thanh toán		

### Sơ đồ 1.9. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng)





*Tại đơn vị nhận khoán:* Do không tổ chức bộ máy kế toán riêng nên bộ phận này chỉ thực hiện công tác tập hợp chứng từ liên quan tới khối lượng xây lắp nhận khoán và nộp lại cho đơn vị giao khoán.

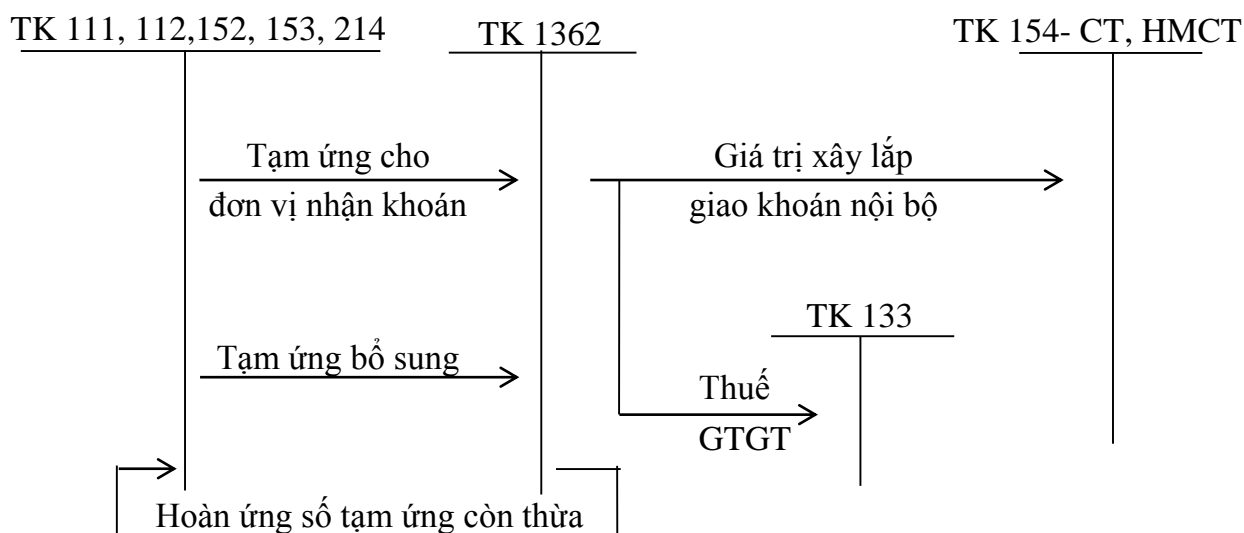
### 1.5.2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng

*Tại đơn vị giao khoán*

Kế toán sử dụng “TK 1362 – Phải thu giá trị xây lắp giao khoán nội bộ” để phản ánh quan hệ thanh toán giữa bên giao và bên nhận khoán. Tài khoản này cũng được mở chi tiết cho từng công trình và chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.

Nợ	TK 1362	Có
Số vốn tạm ứng để thực hiện giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ	Nhận giá trị khối lượng xây lắp nội bộ hoàn thành, bàn giao của đơn vị nhận khoán	
SDCK: Số còn phải thu về khoản ứng để thực hiện khối lượng xây lắp nội bộ ở đơn vị nhận khoán		

**Sơ đồ 1.10. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị giao khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng)**



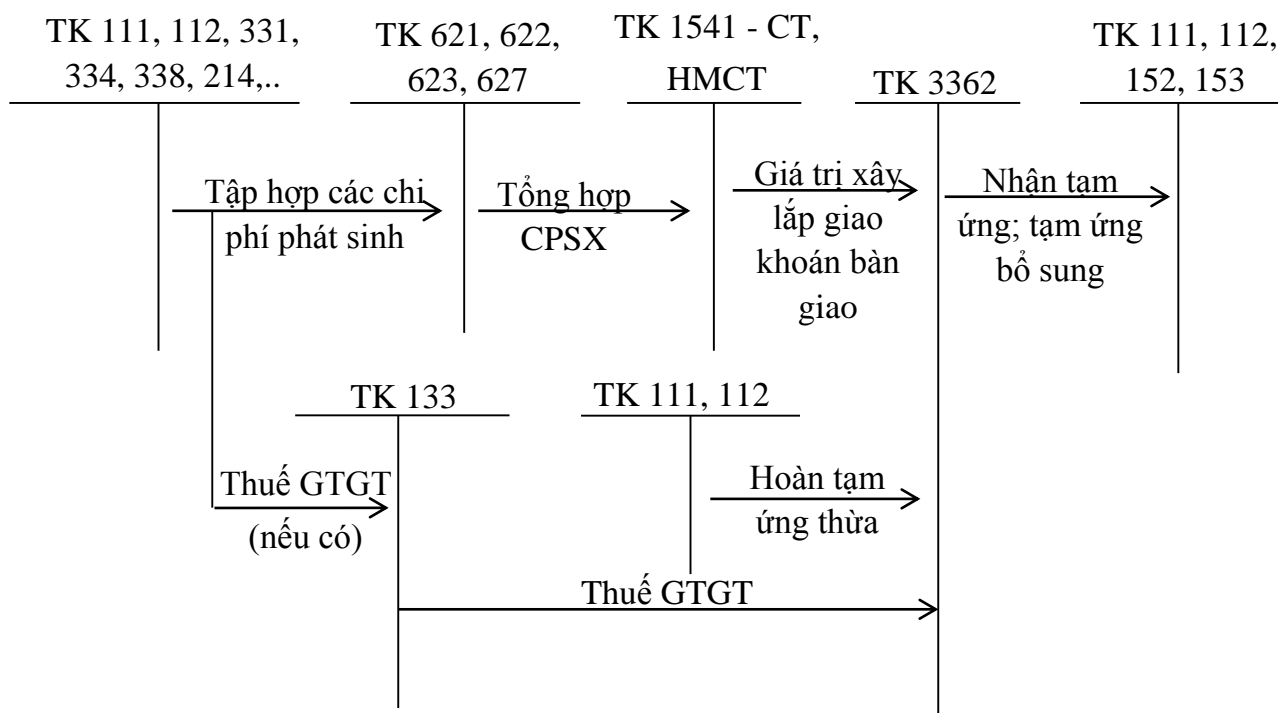
### Tại đơn vị nhận khoán

Kế toán sử dụng “TK 3362 – Phải trả giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ”

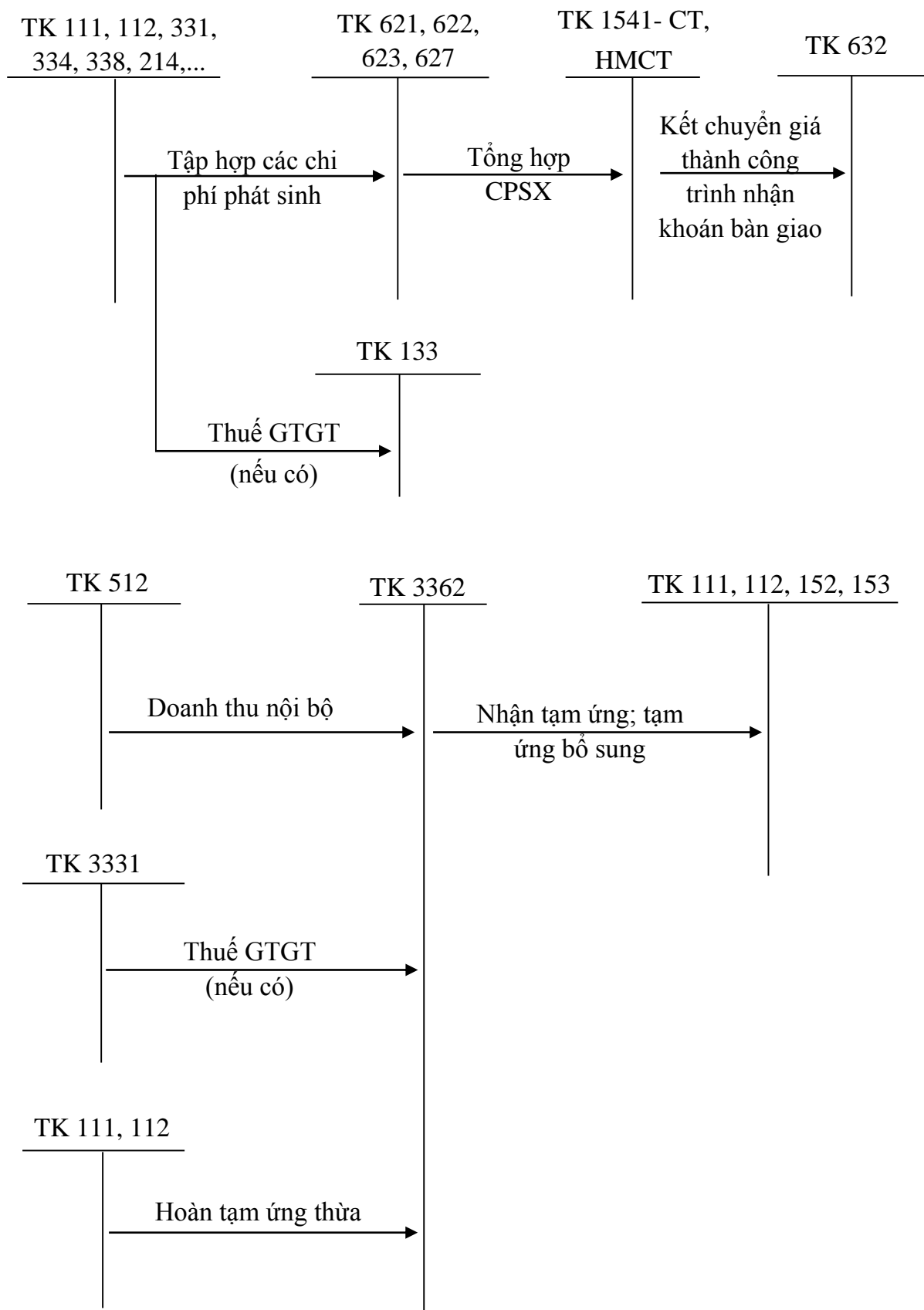
Nợ	TK 3362	Có
Giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành, bàn giao cho đơn vị giao khoán	Số vốn tạm ứng đơn vị giao khoán nhận được để thực hiện giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ	
	SDCK: Số còn phải trả về khoản ứng để thực hiện khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ cho đơn vị giao khoán	

Khi đơn vị nhận khoán tổ chức bộ máy kế toán riêng, có thể xảy ra hai trường hợp: “đơn vị nhận khoán không xác định kết quả kinh doanh riêng” và “đơn vị nhận khoán có xác định kết quả kinh doanh riêng”.

**Sơ đồ 1.11. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị nhận khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng nhưng không xác định kết quả kinh doanh riêng)**



**Sơ đồ 1.12. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo phương thức khoán gọn tại đơn vị nhận khoán (trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng và có xác định kết quả kinh doanh riêng)**



## 1.6. Tổ chức sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình mà doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức kế toán cùng hệ thống sổ kế toán tương ứng thích hợp. Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong năm hình thức sổ là:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong phạm vi bài khóa luận, em xin trình hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

### **Điều kiện áp dụng:**

- Đối với kế toán thủ công: Áp dụng cho loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp và trình độ kế toán thấp, số lượng lao động kế toán ít.

- Đối với áp dụng kế toán máy: Phù hợp với mọi quy mô hoạt động, mọi loại hình kinh doanh.

### *Ưu điểm*

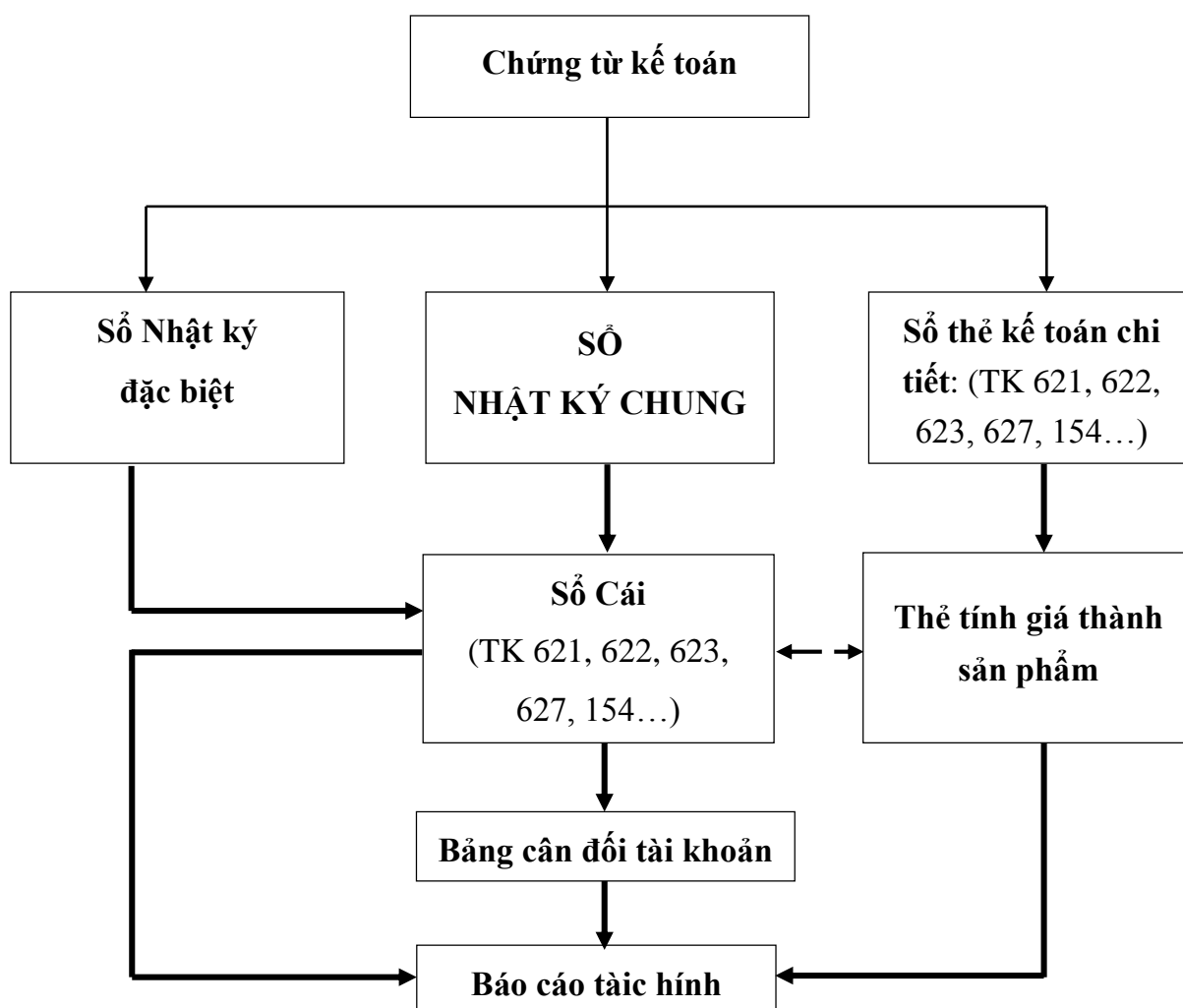
- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

### *Nhược điểm*

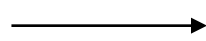


- Lượng ghi chép nhiều.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung*

**Sơ đồ 1.13. Kế toán CPSX và tính giá thành SPXL theo hình thức sổ Nhật ký chung**



*Chú thích:*

-  Ghi thường xuyên
-  Ghi định kỳ
-  Đối chiếu, kiểm tra

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH

### 2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành

#### 2.1.1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành

*Tên công ty* : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH

*Tên viết tắt* : HA THANH., JSC

*Loại hình* : Công ty cổ phần

*Địa chỉ* : Tổ 22, phường Lê Hồng Phong –Phủ Lý - Hà Nam

*Mã số thuế*: 0700500449

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thành lập vào năm 2010. Hiện nay, văn phòng công ty đặt tại tổ 22, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Công ty hoạt động theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được hưởng những ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành chủ yếu tập trung các lĩnh vực sau:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: xây lắp các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500kV, các công trình giao thông và thủy lợi.
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng, công trình công ích. Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng. Hoàn thiện công trình xây dựng. Khảo sát trắc địa của các công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà.
- Tư vấn thẩm định thiết kế các công trình điện. Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình: lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ đường dây và trạm biến áp đến 220kV.
- Tổ chức thí nghiệm, nghiệm thu và hiệu chỉnh thiết bị điện của nhà máy, đường dây và trạm biến áp đến 500kV.

Ngoài ra, trong tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, để làm tăng thêm lợi nhuận mỗi năm, công ty còn kinh doanh thêm một số lĩnh vực như:

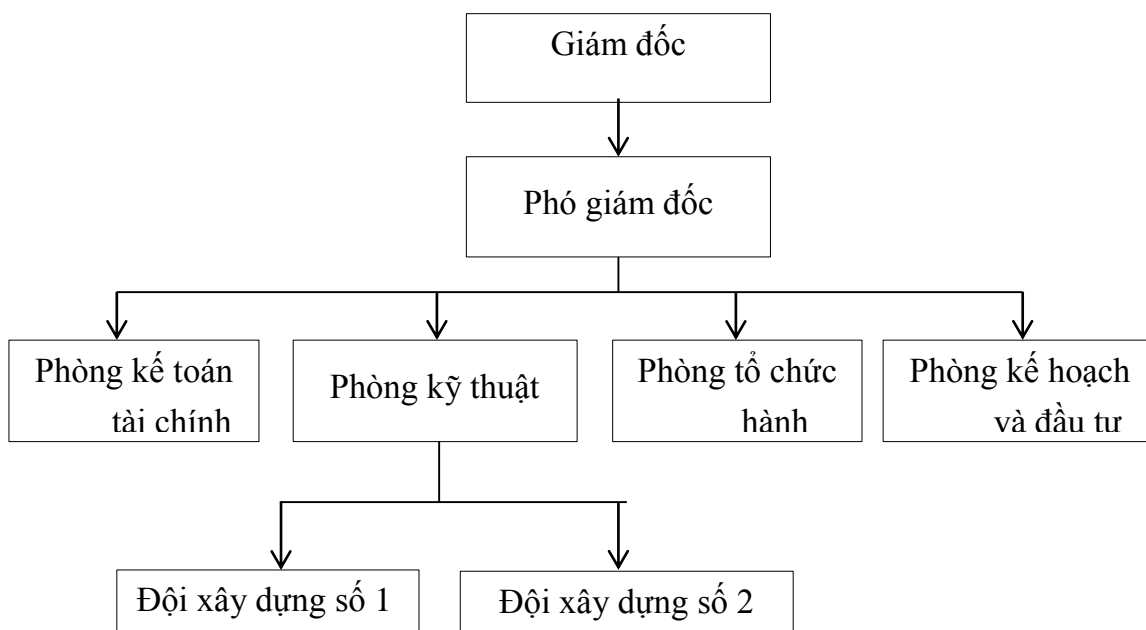
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ

tùng máy công nghiệp. Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển bằng xe buýt). Vận tải hàng hoá bằng ô tô. Cho thuê ô tô.

- Bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện chuyên môn cho cán bộ và công nhân chuyên ngành năng lượng.

### **2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành**

**Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành**



(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

#### ***Giám đốc***

Là người đứng đầu doanh nghiệp và điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Giám đốc công ty có chức năng tổ chức, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư. Mặt khác, giám đốc cũng là người ban hành quy chế quản lý nội bộ doanh nghiệp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty và là người trực tiếp đứng ra kí kết hợp đồng nhân danh công ty

#### ***Phó Giám đốc***

Phó Giám đốc là người giúp việc cho giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của giám đốc, được giám đốc ủy quyền ký hợp đồng khi vắng mặt. Ngoài ra, Phó Giám đốc còn có quyền trực tiếp tham gia vào quá trình chọn lựa, thẩm định của phòng kế hoạch và đầu tư.

### ***Phòng Kế toán tài chính***

Có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

### ***Phòng Kỹ thuật***

Phòng kỹ thuật có chức năng tham mưu cho Giám đốc quản lý các lĩnh vực: quản lý và giám sát chất lượng, quản lý vật tư và thiết bị, quản lý an toàn, lao động và vệ sinh môi trường tại các dự án.

Nhiệm vụ của phòng này đó là soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình. Soát xét trình duyệt hồ sơ hoàn thành công trình hoặc là thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

### ***Phòng Tổ chức hành chính***

Phụ trách các vấn đề về nhân sự, tổ chức, và hành chính tổng hợp, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên, thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, nhân viên trong công ty để phù hợp với yêu cầu kinh doanh của công ty.

### ***Phòng Kế hoạch và đầu tư***

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn – trung – dài hạn, kế hoạch đầu tư, hoàn thiện các kế hoạch đầu tư, quản lý và phát triển dự án, tổ chức và triển khai hoàn thiện các dự án đầu tư.

Tư vấn tham mưu cho Ban Giám đốc về các chiến lược tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở các dự án đang và sẽ triển khai.

Đồng thời, Phòng Kế hoạch đầu tư có chức năng tìm kiếm thị trường, mua sắm vật tư kỹ thuật đúng với chỉ tiêu và định mức kinh tế kỹ thuật, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian để cung ứng cho sản xuất kinh doanh được liên tục, nhịp nhàng đúng kế hoạch.

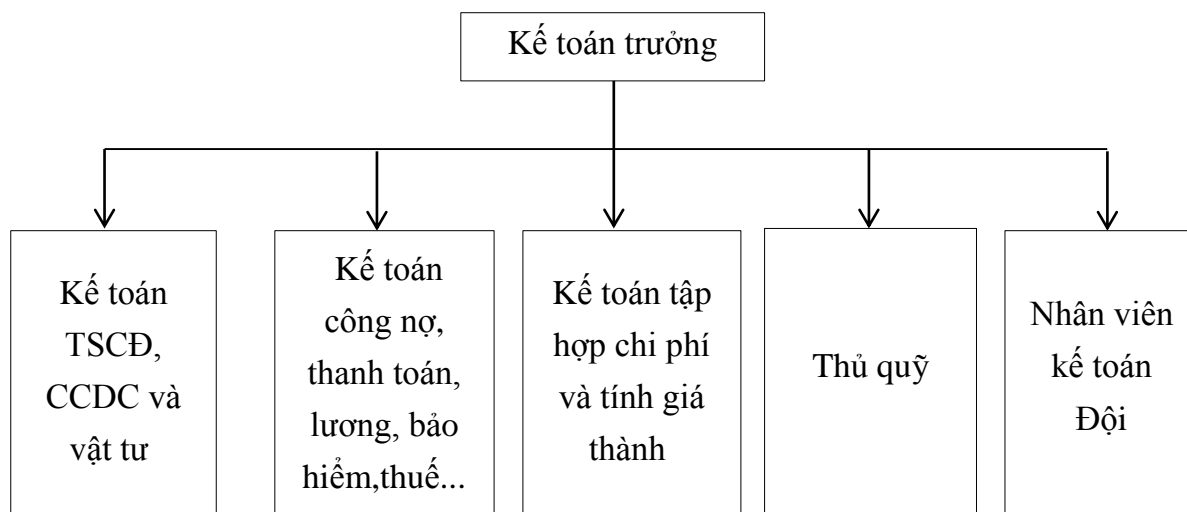
## ***2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành***

### ***2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán***

Mọi công việc liên quan đến Phòng Tài chính Kế toán đều được kế toán viên đảm nhiệm dựa theo chức năng và nhiệm vụ cụ thể của mỗi người, chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ Kế toán trưởng. Để chuyên môn hóa, các nhân viên kế toán được phân công chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:



## Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán)

### *Kế toán trưởng*

Là người tổ chức chỉ đạo mọi hoạt động của phòng kế toán và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ công tác tài chính của công ty, Hàng tháng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh và định kỳ lập báo cáo tài chính. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp, hợp lý của các thông tin trong báo cáo tài chính. Kế toán trưởng còn là người giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh hiện có thông qua việc phân tích tình hình tài chính thể hiện trong các báo cáo tài chính.

### *Kế toán TSCĐ- Vật tư và CCDC*

Quản lý về mặt giá trị, theo dõi biến động tăng giảm, hạch toán khấu hao, phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ tại các bộ phận, phòng ban trực thuộc công ty;

Theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho vật tư, sản phẩm, hàng hóa về mặt số lượng và giá trị tại các kho của công ty;

Định kỳ phải đối chiếu số lượng với thủ kho và lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn kho sản phẩm, vật tư vào cuối tháng;

Theo dõi tình hình tăng, giảm, tồn kho các loại vật tư.

### *Kế toán công nợ, thanh toán, lương, bảo hiểm, thuế*

Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ trước khi thực hiện nhiệm vụ thu chi. Tổ chức ghi chép, phản ánh hạch toán kế toán toàn bộ các nghiệp vụ trong phạm vi đối tượng thanh toán.

Tổ chức hạch toán lương và các khoản trích theo lương của người lao động, tổng hợp tiền lương cho toàn doanh nghiệp. Có nhiệm vụ chấm công, lập bảng thanh toán lương ở bộ phận văn phòng, bảng tổng hợp lương và bảng kê chứng từ ghi sổ trong phần hành kế toán mình phụ trách. Đối chiếu với các phần hành kế toán khác có liên quan.

#### *Kế toán tập hợp và tính giá thành*

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành thích hợp. Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đối tượng đã xác minh, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính giá thành và giá thành đơn vị. Định kỳ, lập các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành

#### *Thủ quỹ*

Theo dõi tình hình biến động tăng giảm của quỹ tiền mặt tại doanh nghiệp để lập báo cáo quỹ cuối kỳ.

#### *Nhân viên kế toán Đội*

Tập hợp những chứng từ có liên quan tới các hoạt động của Đội xây dựng trong quá trình thi công công trình và chuyển lên công ty để kiểm duyệt, thanh toán...

#### *2.1.3.2. Các đặc điểm kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành*

Việc hạch toán kế toán tại công ty được thực hiện theo hướng dẫn của Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Các chế độ kế toán được áp dụng cụ thể như sau:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1/N đến ngày 31/12/N.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng

Kỳ kế toán: quý.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

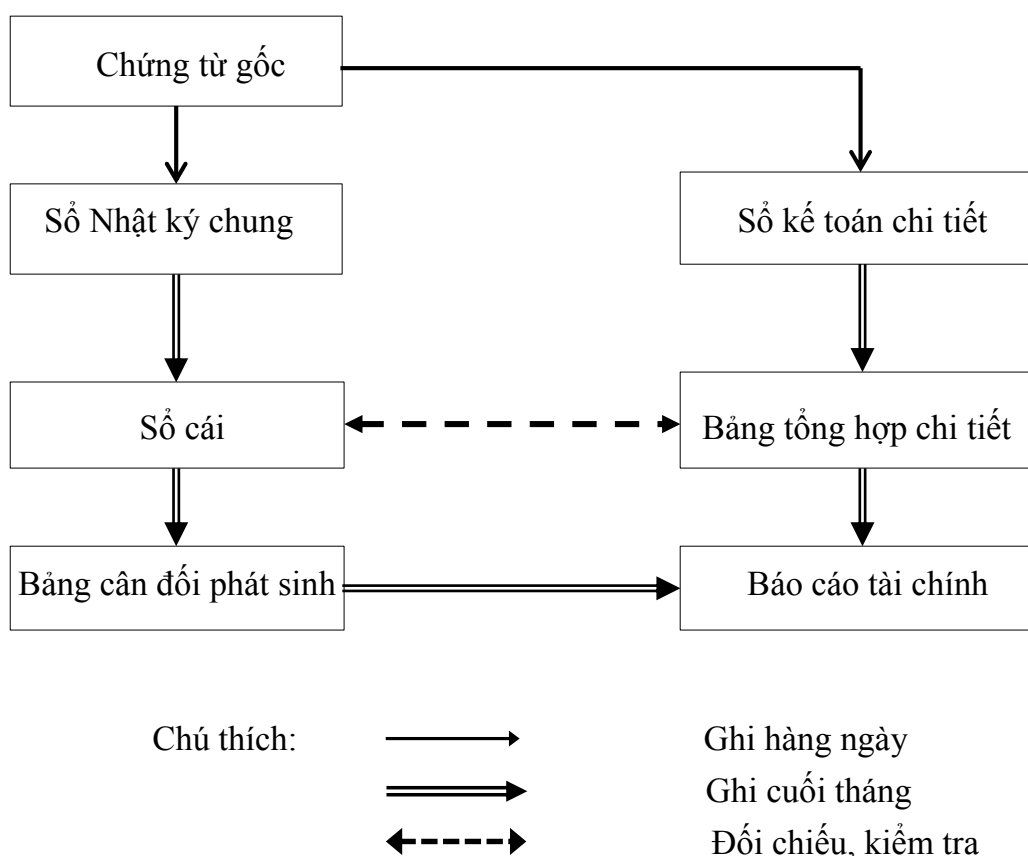
Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Hình thức sổ kế toán của công ty: Nhật ký chung.

### Sơ đồ 2.3. Tổ chức sổ kế toán



## 2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành

Khi nhận xây lắp một công trình mới, căn cứ vào hợp đồng giao thầu, phòng kế hoạch và đầu tư kết hợp với phòng kỹ thuật sẽ lập dự toán, phương án thi công, tiến độ thi công cho từng giai đoạn công việc. Sau đó Ban Giám đốc ra quyết định giao khoán cho đội xây dựng. Đội xây dựng tiếp nhận công trình và thực hiện theo dự toán do Ban lãnh đạo đề ra. Theo hình thức này, mỗi khi có nhu cầu sử dụng NVL, nhiên liệu, CCDC... hoặc cần cung ứng tiền mặt để thi công công trình, đội trưởng đội xây dựng công sẽ làm Giấy đề nghị tạm ứng gửi giám đốc công ty và các Phòng ban liên quan rồi chờ phê duyệt. Công ty sẽ cung ứng trực tiếp cho đội xây dựng. Khi kết thúc quá trình thi công, chi phí phát sinh còn thừa sẽ được hoàn nhập. Quá trình thi công xây lắp sẽ được phòng Kế toán – tài chính, phòng Kế hoạch và đầu tư cùng phòng Kỹ thuật giám sát chặt chẽ về mặt tài chính, kỹ thuật cũng như tiến độ thi công công trình, HMCT.

Do các đội thi công nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng nên để hạch toán toàn bộ các khoản tạm ứng chi phí xây lắp, công ty sử dụng **Tài khoản 1413 “Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ”**

Để làm rõ thực trạng công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty, nên trong phạm vi bài khóa luận em xin được lấy số liệu tháng 3/2015 của công trình **“Công trình Trường chuyên Hà Nam”** do đội xây dựng số 1 phụ trách. Kế toán sử dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp để tập hợp chi phí cho công trình:

- Địa điểm xây dựng: Trường chuyên Hà Nam – TP Phủ Lý – Hà Nam
- Loại và cấp công trình: Sửa chữa và xây dựng thêm một số phòng của dãy nhà học 2 tầng
- Thời gian thi công: 02/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Khi phát sinh các nhiệm vụ về chi phí sản xuất, Đội thi công có trách nhiệm lập các chứng từ liên quan. Sau đó, định kỳ hàng tháng, toàn bộ những chứng từ này sẽ được kế toán đội tổng hợp, lên bảng kê và chuyển về công ty hạch toán.

Công ty và đội thi công công trình số 1 tiến hành kí kết hợp đồng giao khoán:

**Biểu 2.1. Hợp đồng giao khoán nội bộ cho đội xây lắp**

ĐƠN VỊ : CÔNG TY CP ĐT PHÁT TRIỂN XD HÀ THÀNH

**Mẫu số 08-LĐTL**

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN NỘI BỘ (Trích)**

*Số:001 /HĐGK/2015*

**Công trình : Dự án Trường chuyên Hà Nam**

**Gói thầu : Thi công hạng mục xây dựng, sửa chữa**

*- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4...*

**Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2014, các bên gồm có:**

**1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH**

- Đại diện : Bà Đặng Hồng Chuyên Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ : Tổ 22, phường Lê Hồng Phong – Phủ Lý – Hà Nam

- Mã số thuế : 0700500449...

**2. BÊN B: ĐỘI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH SỐ 1**

- Đại diện : Ông Phạm Gia An Chức vụ: Đội trưởng đội XD số 1

- Ngày sinh : 11/03/1976

- Số CMND : 145530071 ...

***Sau khi bàn bạc hai bên đã thoả thuận và thống nhất ký kết hợp đồng giao khoán với các điều khoản sau:***

**Điều 1: Nội dung công việc và tiến độ thi công**

***1.1 Nội dung thi công:***

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thi công toàn bộ hạng mục xây dựng và sửa chữa Dự án xây dựng Trường chuyên Hà Nam...

***1.2 Các tài liệu kèm theo:***

a. Hợp đồng kinh tế số 172/2014/HĐXD ngày 03/12/2014...

***1.3 Thời gian thi công và hoàn thành:***

Thời gian thi công và hoàn thành: 04 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng (Có thể dao động trong khoảng 10 ngày)

## **Điều 2: Giá trị và hình thức thanh toán**

### **2.1 Giá trị tạm tính:**

- Đơn giá và khối lượng (có bản chi tiết kèm theo)

**Giá trị hợp đồng (tạm tính) làm tròn: 1.254.400.000 VNĐ**

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi tư triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)...

### **2.3. Hình thức thanh toán:**

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

## **Điều 3: Phương thức tạm ứng, nghiệm thu và thanh toán**

### **3.1. Tạm ứng:**

Khi hợp đồng được ký kết Bên A sẽ cho Bên B tạm ứng theo phiếu yêu cầu tạm ứng của đội trưởng đội thi công...

### **3.2. Nghiệm thu, thanh toán:**

#### **3.2.1 Nghiệm thu:**

- Tuân thủ các quy định về thủ tục, quy trình nghiệm thu thanh toán và quản lý chất lượng công trình của Chủ đầu tư....

#### **3.2.2 Thanh toán:**

Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ Lương, trợ cấp cũng như các khoản tiền có liên quan cho bên B theo đúng hợp đồng Lao động...

## **Điều 4: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng:**

Bên B phải thực hiện thể chấp theo quy định của Bên A hoặc theo hình thức khác được Bên A chấp thuận...

## **Điều 5: Thưởng phạt hợp đồng...**

## **Điều 6: Trách nhiệm của các bên**

### **6.1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:**

- Cung cấp hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt và các tài liệu khác có liên quan cần thiết đến gói thầu để bên B triển khai thi công....

### **6.2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B:**

- Khi mua sắm các loại vật tư, nhiên liệu, tiền chi phí máy thi công...

## **Điều 7: Điều khoản chung...**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

### ***2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất***

Xuất phát từ đặc điểm riêng biệt của ngành xây lắp cơ bản so với các ngành khác là quá trình thi công kéo dài, phức tạp, sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, cố định về mặt không gian, mỗi công trình có một thiết kế thi công riêng... Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của công tác kế toán chi phí và sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đối tượng kế toán tập hợp chi phí của công ty được xác định là từng CT, HMCT .

### ***2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất***

#### ***2.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Tại Công ty, CPNVLTТ bao gồm:

Chi phí vật liệu chính: các loại sắt, thép, gạch, đá, cát sỏi, xi măng...

Chi phí vật liệu phụ: vôi, ve, sơn, đinh...

Chi phí vật liệu kết cấu: tấm lợp, xà, khung, cửa...

Các chi phí vật liệu khác.

Để tập hợp CPNVLTТ, Công ty sử dụng TK 621 - CPNVLTТ trong đó mở chi tiết cho từng công trình, HMCT

Để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh vận chuyển tốn kém, Công ty tiến hành tổ chức kho vật liệu ngay tại chân công trình và việc nhập, xuất vật tư diễn ra ngay tại đó. Vật tư mua đến đâu xuất dùng đến đó để tránh ứ đọng. Do đặc thù của Công ty là theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình, nên mỗi công trình, hạng mục công trình có một mã số riêng. Khi CPNVLTТ phát sinh thuộc công trình, hạng mục công trình nào, kế toán sẽ dựa vào mã số công trình đó để theo dõi,

*Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*

Đội trưởng đội xây dựng đàm phán, bàn bạc và tiến hành ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu với nhà cung cấp:

**Biểu 2.2. Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**---o0o---**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số 01/HĐKT (Trích)**

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2015, tại văn phòng công ty Cổ phần Thương mại Hải Hưng chúng tôi gồm có:

**1. ĐẠI DIỆN BÊN A**

- Ông (Bà): Trần Minh Vũ
- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thương Mại Hải Hưng
- Mã số thuế: 0700342517
- Số TK: 0011004237824, ngân hàng Vietcombank

**2. ĐẠI DIỆN BÊN B**

- Ông (Bà): Phạm Gia An
- Địa chỉ: Công ty CP ĐT phát triển Xây dựng Hà Thành
- Mã số thuế: 0700500449
- Số TK: 0011003782654, ngân hàng Vietcombank

Sau khi bàn bạc, thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế theo các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

- Bên A đồng ý cung cấp xi măng, cát, gạch, vật tư, CCDC các loại đến công trình Trường chuyên Hà Nma tại TP Phủ Lý, Hà Nam cho bên B với khối lượng tạm tính như sau:
  1. Gạch ốp 25 x 40: 50 hộp
  2. Gạch ốp 25 x 25: 35 hộp
  3. Gạch ốp 50 x 50: 210 hộp
- Giá trị thanh toán từng đợt hàng được thể hiện trên Hóa đơn GTGT (đơn giá vật tư được tính theo đơn giá thị trường từng thời điểm)

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Đã ký)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Đã ký)

*(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)*



**Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT về mua NVL cho công trình Trường chuyên Hà Nam**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

HH/12P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0000014

Ngày 05 tháng 01 năm 2015

**Đơn vị bán hàng:** Công ty Cổ phần thương mại Hải Hưng

Mã số thuế: 0700342517

Địa chỉ: Số nhà 323, đường Ngô Quyền, phường Hồng Châu, TP Phủ Lý

**Họ và tên người mua hàng:** Phạm Gia An

Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng Hà Thành

MST: 0700500449

Địa chỉ: Tổ 22, phường Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch ốp 25x40	Hộp	50	93.000	4.650.000
2	Gạch ốp 25x25	Hộp	35	84.000	2.940.000
3	Gạch ốp 50x50	Hộp	210	87.000	18.270.000

Cộng tiền hàng: 25.860.000

Thuế suất GTGT: **10%**

Tiền thuế GTGT: 2.586.000

**Tổng cộng tiền thanh toán: 28.446.000**

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng.

**Người mua hàng**

(ký, họ tên)

**Người bán hàng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT của nhà cung cấp vật liệu, đội trưởng đội thi công viết giấy đề nghị tạm ứng gửi lên công ty:

### Biểu 2.4. Giấy đề nghị tam ứng

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

## Đội xây dựng số 1

## GIẤY ĐỀ NGHỊ TAM ỦNG

Ngày 05 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành

Tên tôi là: Phạm Gia An, Đội trưởng đội thi công số 1

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Đề nghị Công ty tạm ứng số tiền là: 28.446.000

(Viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Trả tiền mua nguyên vật liệu cho nhà cung cấp.

Thời hạn thanh toán: Ngày 15/01/2015

Ngày 05 tháng 01 năm 2015

**Giám đốc Công ty**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Người đề nghị tam ứng**

(*ký, họ tên*)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Kế toán công ty tiến hành đối chiếu công nợ với từng nhà cung cấp sau khi nhận được hóa đơn GTGT do nhân viên kế toán đội gửi lên. Sau khi kiểm tra, đối chiếu, kế toán công ty ghi:

No TK 1413	28.446.000
------------	------------

Có TK 331	28,446.000
-----------	------------

Công ty thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, nếu khoản tiền hàng vượt quá 20 triệu, công ty phải thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng để được hoàn thuế GTGT. Kế toán công ty ghi định khoản:

№ TK 331	28.446.000
----------	------------

Có TK 112	28,446.000
-----------	------------

Cuối tháng, kế toán đội bàn giao toàn bộ chứng từ liên quan tới chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho kế toán công ty, kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ này lập bảng kê hóa đơn, chứng từ mua NVL trực tiếp cho công trình Trường chuyên Hà Nam trong tháng 1:

**Bảng 2.1. Bảng kê hóa đơn, chứng từ nhập mua nguyên vật liệu trực tiếp**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

**Số 01**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	SHĐ	Ngày	Tên người bán	Tên vật tư	Giá thành	Thuế	Tổng cộng
1	0000014	05/01	Cty CP TM Hải Hưng	Gạch ốp các loại	25.860.000	2.586.000	28.446.000
2	0000009	08/01	Cty sắt thép Mai Thước	Thép cuộn	27.450.000	2.745.000	30.195.000
3	0000013	12/01	Cty TNHH Hải Nam	Xi măng	17.469.200	1.746.920	19.216.120
4	0000017	17/01	Cty thiết bị, vật tư Bảo Quốc	Gạch, cát	35.130.890	3.513.089	38.643.979
5	0000021	17/01	Cty CP TM Hải Hưng	Tấm lợp nhựa	13.580.000	1.358.000	14.938.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>		<b>259.730.000</b>	<b>25.973.000</b>	<b>285.703.000</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Kế toán công ty quyết toán tạm ứng và ghi định khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình trong tháng 1:

Nợ TK 621

259.730.000

Nợ TK 133

25.973.000

Có TK 1413

285.703.000

Cuối tháng, đội trưởng đội xây dựng viết Giấy đề nghị thanh toán tiền mua nguyên vật liệu gửi lên công ty:

**Biểu 2.5. Giấy đề nghị thanh toán tiền mua nguyên vật liệu**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG**

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kính gửi Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Phạm Gia An

Địa chỉ: Đội xây dựng số 1

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu dùng cho công trình Trường chuyên Hà Nam tháng 01/2015.

**Số tiền: 285.703.000**

(Viết bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm linh ba ngàn đồng chẵn)

Kèm theo: 09 chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người đề nghị thanh</b>
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)	<b>toán</b>
			(Ký tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Cuối kỳ kế toán, kế toán công ty tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tính giá thành sản phẩm. Kế toán ghi định khoản:

Nợ TK 154	500.620.000
Có TK 621	500.620.000

## Bảng 2.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu TK 621

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (Trích)

TK 621: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Quý I/2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Ngày GS	Số chứng từ	Ngày tháng	Nội dung	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/01	BKHD, CT01	31/01	Chi phí NVL tháng 1 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	259.730.000	
28/02	BKHD, CT15	28/02	Chi phí NVL tháng 2 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	121.500.000	
31/03	BKHD, CT 29	31/03	Chi phí NVL tháng 3 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	119.390.000	
31/03	PKT	31/03	Kết chuyển CPNVLTT của công trình Trường chuyên Hà Nam	154		500.620.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>500.620.000</b>	<b>500.620.000</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.3. Sổ cái TK 621-Chi phí NVL trực tiếp**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích)**

Tên tài khoản: 621 – Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Quý I/2015

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu kì		0	
BKHĐ, CT01	31/1	Chi phí NVL tháng 1 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	259.730.000	
BKHĐ, CT02	31/1	Chi phí NVL tháng 1 công trình bệnh viện Phủ Lý	1413	132.700.000	
BKHĐ, CT15	28/2	Chi phí NVL tháng 2 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	121.500.000	
...	...	...	...		
BKHĐ, CT29	31/3	Chi phí NVL tháng 3 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	139.390.000	
...	...	....	...		
PKT	31/3	Kết chuyển chi phí NVLTT công trình Trường chuyên Hà Nam	154		500.620.000
PKT	31/3	Kết chuyển CP NVLTT công trình bệnh viện Phủ Lý	154		464.720.000
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>965.340.000</b>	<b>965.340.000</b>
		<b>Dư cuối kì</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

#### 2.2.2.2. *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.*

Hiện nay tại Công ty toàn bộ nhân công trực tiếp đều ký hợp đồng tại chỗ, tùy theo tình hình thi công mà Công ty sẽ ký hợp đồng ngắn hạn với số lao động này (thường là 03 tháng). Số lao động này khi đã hết thời hạn hợp đồng nếu công việc còn cần thì Công ty lại ký hợp đồng tiếp. Số nhân công này được tổ chức thành các tổ sản xuất phục vụ cho từng yêu cầu thi công cụ thể như tổ mộc, tổ điện nước...

Công ty không tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN mà tính toán hợp lý vào đơn giá nhân công trả trực tiếp cho người lao động. Đơn giá này là đơn giá nội bộ của Công ty do phòng kỹ thuật thi công lập dựa trên cơ sở đơn giá quy định của Nhà nước cùng với sự liên đới của thị trường và từng công trình cụ thể.

Sau đây là Hợp đồng lao động của công ty Cổ phần ĐT phát triển XD Hà Thành với công nhân xây lắp trực tiếp:

#### **Biểu 2.6. Hợp đồng lao động**

### **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### **HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỜI VỤ (Trích)**

Số: 02/HĐLD/2015

Hà Nam, ngày 02 tháng 01 năm 2015

Chúng tôi một bên là Ông/Bà: Phạm Gia An

Chức vụ: Đội trưởng đội xây dựng số 1

Đại diện cho: Công ty CP ĐT phát triển XD Hà Thành

Và một bên là Ông/Bà: Phạm Gia Huy

Chức vụ: Tổ trưởng tổ công nhân

Đại diện cho: Tổ công nhân trực tiếp xây lắp công trình Trường chuyên Hà Nam

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng các điều khoản sau đây:

#### **Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng**

- Loại hợp đồng lao động: Thời vụ 03 tháng (Từ 02/01/2015 đến 31/03/2015)...

#### **Điều 2: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**

##### **1. Quyền lợi**

- Mức lương chính hoặc tiền công: 215.000đ/công tổ trưởng/ngày lao động, 200.000đ/công thợ chính/ngày lao động, 160.000đ/công thợ phụ/ngày lao động.

- Hình thức trả lương: Tiền mặt

- Thời gian thanh toán lương: Ngày cuối tháng...

**NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ký, họ tên)

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Sau khi ký hợp đồng lao động, công nhân thi công tại công trình và được chấm công dưới sự chỉ đạo giám sát của ban chỉ huy công trình. Cuối tháng ban chỉ huy công trình tiến hành chốt sổ công và lập bảng chấm công.

Cuối tháng, Đội trưởng đội xây dựng chuyển bảng chấm công lên phòng kế toán của công ty. Sau khi đối chiếu các chứng từ liên quan tới chi phí tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp, kế toán tiền lương chuyển tiền vào tài khoản cá nhân được mở cho các Đội trưởng đội xây dựng tại ngân hàng. Đội trưởng sẽ trực tiếp chi trả tiền lương cho công nhân.

Đối với công nhân trực tiếp xây lắp, trong quá trình thi công công trình, các đội trưởng tự chấm công cho các thành viên qua bảng chấm công. Lương cho tổ trưởng là 215.000đ/công/ngày, lương cho công thợ chính là 200.000đ/công/ngày, lương thợ phụ là 160.000đ/công/ngày.

#### **Bảng 2.4. Bảng chấm công công nhân trực tiếp xây lắp**

**Công ty CP ĐT phát triển và XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

#### **BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 01 năm 2015

(Công nhân trực tiếp thuê ngoài)

Đội xây dựng số 1

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng						Cộng
			1	2	3	...	30	31	
1	Phạm Gia Huy	Tổ trưởng	X	X	X		X	X	28
2	Phạm Ngọc Lâm	Thợ chính	X	X	X		N	X	26
3	Lê Tuấn Anh	Thợ chính	X	X	X		X	X	24
4	Nguyễn Ánh	Thợ chính	X	N	X		X	X	27
5	Phạm Văn Hai	Thợ phụ	N	X	X		X	X	28
...									...
15	Trần Văn Mạnh	Thợ phụ	X	X	X		X	N	25
	<b>Cộng</b>								<b>375</b>

Trong đó:

X- đi làm

N- Nghỉ làm

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Đội trưởng Đội XD số 1**

(ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán )



## Bảng 2.5. Bảng thanh toán tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp

Công ty CP ĐT phát triển và XD Hà Thành

Đội xây dựng số 1

### BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CÔNG NHÂN TRỰC TIẾP XÂY LẮP (Trích)

Tháng 01 năm 2015

Đội xây dựng số 1

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương thời gian		Chi phí khác	Tổng cộng được lĩnh	
			Số TG	Số tiền theo hợp đồng		Số tiền	Ký nhận
1	Phạm Gia Huy	Tổ trưởng	28	6.020.000	-	6.020.000	
1	Phạm Ngọc Lâm	Thợ chính	26	5.200.000	-	5.200.000	
2	Lê Tuấn Anh	Thợ chính	24	4.800.000	-	4.800.000	
3	Nguyễn Ánh	Thợ chính	27	5.400.000	-	5.400.000	
4	Phạm Văn Hai	Thợ phụ	28	4.480.000	-	4.480.000	
...	....				-		
15	Trần Văn Mạnh	Thợ phụ	25	4.000.000	-	4.000.000	
	<b>Tổng</b>		<b>375</b>	<b>73.925.000</b>		<b>73.925.000</b>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đội trưởng đội xây dựng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Trong trường hợp tính lương này, em xin lấy ví dụ về một công nhân để làm rõ thêm cách chấm công và tính lương cho người lao động của Công ty: công nhân có STT 3 “Lê Tuấn Anh”:

*Số công làm trong tháng:*

Trong tháng 1 có 31 ngày, anh Tuấn Anh là thợ chính đi làm 24 ngày.

*Tiền lương được thanh toán:*

Theo hợp đồng, anh Tuấn Anh được trả 4.800.000 VNĐ tiền công trong tháng 1 theo mức lương quy định trong hợp đồng của công ty đối với thợ chính là 200.000đ/công/ngày (= 200.000 x 24)

Các khoản chi phí, hỗ trợ nhân công trực tiếp xây lắp đã được công ty tính toán hợp lý vào tiền công hàng ngày của mỗi công nhân nên ngoài lương, công nhân không được nhận thêm khoản hỗ trợ hay bị trừ đi khoản chi phí nào khác.

Đội trưởng đội xây dựng viết Giấy đề nghị tạm ứng kèm theo bảng chấm công và bảng tính lương nhân công trực tiếp gửi lên công ty:

#### **Biểu 2.7. Giấy đề nghị tạm ứng**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

#### **GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành

Tên tôi là: Phạm Gia An, Đội trưởng đội thi công số 1

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Đề nghị Công ty tạm ứng số tiền là: 73.925.000

(Viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Thanh toán tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp

Thời hạn thanh toán: Ngày 31/01/2015

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Giám đốc Công ty**

*(ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**Người đề nghị tạm ứng**

*(ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Căn cứ vào các chứng từ gốc do kế toán đội gửi lên, kế toán công ty đối chiếu và ghi nhận chi phí tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp:

Nợ TK 1413 73.925.000

Có TK 112 73.925.000

**Biểu 2.8. Giấy đề nghị thanh toán tiền lương nhân công trực tiếp**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG**

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kính gửi Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Phạm Gia An

Địa chỉ: Đội xây dựng số 1

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp công trình Trường chuyên Hà Nam tháng 01/2015.

**Số tiền: 73.925.000**

(Viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Kèm theo: 06 chứng từ gốc (Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương công nhân trực tiếp xây lắp tháng 1, 2, 3)

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký tên)

**Người đề nghị thanh toán**  
(Ký tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

**Bảng 2.6. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí nhân công trực tiếp****BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ****Số: 03**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

<b>S T T</b>	<b>Tháng</b>	<b>Tên CT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Trích theo lương</b>	<b>Cộng</b>
1	01	BTL CNTT	Chi phí lương công nhân trực tiếp xây lắp	73.925.000	-	73.925.000
		<b>Cộng</b>				<b>73.925.000</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Cuối tháng, kế toán công ty quyết toán tạm ứng và ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp tháng 1 năm 2015 cho công trình Trường chuyên Hà Nam:

Nợ TK 622 - TCHN

73.925.000

Có TK 1413

73.925.000

Cuối kỳ kế toán, kế toán công ty tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp công trình Trường chuyên Hà Nam sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tính giá thành sản phẩm:

Nợ TK 154

219.515.750

Có TK 622 – TCHN

19.515.7750

### Bảng 2.7. Sổ chi tiết nhân công trực tiếp

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (Trích)

Tên tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Quý I/2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/01	BTHCT03	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài tháng 01 Công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	73.925.000	
28/02	BTHCT17	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài tháng 02 Công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	71.000.750	
31/03	BTHCT31	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài tháng 03 Công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	74.590.000	
31/03	PKT	Kết chuyển CPNCTT của Công trình Trường chuyên Hà Nam	154		219.515.750
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>219.515.750</b>	<b>219.515.750</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.8. Sổ cái TK 622**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích)**

Tên tài khoản: 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Quý I/2015

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu kỳ</b>		<b>0</b>	
BTHCT03	31/01	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	73.925.000	
BTHCT04	31/01	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài công trình Bệnh viện Phủ Lý	1413	69.385.000	
BTHCT17	28/02	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài Công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	71.000.750	
...	...	...	...		
BTHCT31	31/03	Chi phí tiền lương NCTT thuê ngoài Công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	74.590.000	
		...			
PKT	31/03	Kết chuyển CPNCTT của Công trình Trường chuyên Hà Nam	154		219.515.750
PKT	31/03	Kết chuyển CPNCTT của Công trình Bệnh viện Phủ Lý	154		189.575.000
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>409.090.750</b>	<b>409.090.750</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

#### *2.2.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công*

Chi phí máy thi công là loại chi phí đặc thù trong lĩnh vực sản xuất xây lắp, chi phí này bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công nhằm hoàn thành khối lượng công tác xây lắp như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công...

Tại công ty Cổ phần Đầu tư phát triển XD Hà Thành, trong các hoạt động của những dự án xây dựng, sửa chữa, công ty thường sử dụng hình thức thuê trọn gói tức là thuê cả máy và nhân công điều khiển máy. Khi kết thúc công việc cũng là kết thúc thời gian, máy thi công và chi phí thuê máy, tính trọn gói trên hợp đồng thuê thiết bị và tính riêng cho từng công trình. Các chứng từ gốc thuê thiết bị gồm: Hợp đồng thuê máy, hóa đơn GTGT (của bên cho thuê), nhật ký sử dụng máy thi công, biên bản nghiệm thu và bàn giao khối lượng công việc hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng.

**Biểu 2.9. Hợp đồng thuê máy thi công**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**HỢP ĐỒNG KINH TẾ (Trích)**  
(Số 06/HĐKT)

- Căn cứ vào luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 16/6/2005...

Hôm nay, ngày 02/01/2015, tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xây dựng Hà Thành, chúng tôi gồm:

I. BÊN THUÊ (Bên A): Công ty CP Đầu tư Phát triển xây dựng Hà Thành

- Đại diện ông: Phạm Gia An Chức vụ: Đội trưởng đội XD số 1

- Địa chỉ: Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam.

II. BÊN CHO THUÊ MÁY (Bên B): Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà

- Đại diện ông: Nguyễn Nam

- Địa chỉ: Phường Hồng Châu, Tp Phủ Lý, Hà Nam

Sau khi đã thỏa thuận, hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

**ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý thuê của bên B 1 số máy móc, nội dung cụ thể:

1. Thiết bị: Máy ủi

2. Bảng kê mặt hàng:

STT	Tên máy thi công	Số lượng	Đơn giá
01	Máy ủi	01	260.000đ/giờ

**ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

1. Trách nhiệm của bên A:

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đã thương lượng như trong hợp đồng...

2. Trách nhiệm của bên B:

Đảm bảo công suất, thời gian hoạt động cũng như chất lượng của máy móc...

**ĐIỀU IV: NƠI GIAO HÀNG**

Địa điểm: Trường chuyên Hà Nam

Thời gian hoạt động từ ngày 04/01/2015 đến 11/01/2015.

**ĐIỀU V: HÌNH THỨC THANH TOÁN**

Bên A: Thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho bên B...bằng tiền mặt

**ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN CHUNG...**

Hà Nam, ngày 02 tháng 01 năm 2015

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)



Trong quá trình sử dụng máy thi công, các cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động của máy thi công. Sau khi công việc hoàn thành, đội trưởng đội xây dựng cùng các kỹ thuật viên tiến hành kiểm tra, xác nhận để lập biên bản nghiệm thu bàn giao công việc trước khi thanh lý hợp đồng:

### **Biểu 2.10. Nhật ký hoạt động máy thi công**

**Công ty CPĐT phát triển và XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

### **NHẬT KÝ HOẠT ĐỘNG MÁY THI CÔNG**

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Tên máy: Máy ủi

Ngày	Nội dung công việc	Thời gian hoạt động		Tổng thời gian	Xác nhận bên cho thuê	Xác nhận bên đi thuê
		Sáng	Chiều			
04/01	San mặt bằng	7h - 10h	14h - 16h	5h		
05/01	San mặt bằng	7h - 9h	14h - 16h	4h		
07/01	San mặt bằng	8h - 11h		3h		
...	...	...	...	...		
	Cộng			18h		

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Đội trưởng đội xây dựng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bên cho thuê máy thi công xuất hóa đơn GTGT cho công ty sau khi hai bên đối chiếu nhật ký sử dụng máy thi công:

**Biểu 2.11. Hóa đơn GTGT thuê máy thi công**

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

BH/12P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0000012

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

**Đơn vị bán hàng:** Công ty Cổ phần ĐT phát triển Bắc Hà

Mã số thuế: 070034678

Địa chỉ: Phường Hồng Châu, TP Phủ Lý, Hà Nam

**Họ và tên người mua hàng:** Phạm Gia An

Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng Hà Thành

MST: 0700500449

Địa chỉ: Tổ 22, phường Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy ủi	Giờ	18	260.000đ/h	4.680.000

Cộng tiền hàng: 4.680.000

Thuế suất GTGT: **10%**

Tiền thuế GTGT: 468.000

**Tổng cộng tiền thanh toán: 5.148.000**

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng chẵn.

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

**Người mua hàng**

(ký, họ tên)

**Người bán hàng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

Đội trưởng đội xây dựng viết Giấy đề nghị tạm ứng để công ty thanh toán cho bên thuê máy thi công:

Cuối tháng, sau khi nhận được toàn bộ chứng từ liên quan tới chi phí máy thi công do kế toán đội gửi lên, kế toán công ty tiến hành đối chiếu, kiểm tra và lập bảng kê hóa đơn, chứng từ thuê máy thi công:

**Bảng 2.9. Bảng kê hóa đơn, chứng từ chi phí thuê máy thi công**

**BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

**Số 05**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	SHĐ	Ngày	Tên người bán	Tên vật tư	Giá thành	Thuế	Tổng cộng
1	0000012	12/01	Cty CP ĐT phát triển Bắc Hà	Thuê máy ủi	4.680.000	468.000	5.148.000
2	0000015	31/01	Cty CP ĐT phát triển Bắc Hà	Thuê máy trộn bê tông	5.880.000	588.000	6.468.000
			<b>Cộng</b>		<b>10.560.000</b>	<b>1.056.000</b>	<b>11.616.000</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Kế toán công ty ghi nhận chi phí máy thi công tháng 1 năm 2015:

Nợ TK 623 - TCHN 10.560.000

Nợ TK 133 1.056.000

Có TK 1413 11.616.000

**Biểu 2.13. Giấy đề nghị thanh toán tiền thuê máy thi công**  
**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**  
**Đội xây dựng số 1**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Công ty CPĐT phát triển và XD Hà Thành

Họ tên người đề nghị thanh toán: Phạm Gia An

Bộ phận: Đội xây dựng số 1

Nội dung đề nghị: Thanh toán tiền thuê máy thi công tháng 1 năm 2015 cho Công ty CP Đầu tư phát triển Bắc Hà.

Số tiền: 11.616.000

**Viết bằng chữ:** Mười một triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 4 chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Người đề nghị thanh  
toán**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Cuối kỳ, kế toán công ty tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ kế toán sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tính giá thành sản phẩm:

Nợ TK 154

40.480.000

Có TK 623 - TCHN

40.480.000

Dựa vào các hóa đơn, chứng từ kế toán Đội gửi lên, kế toán công ty nhập sổ chi tiết TK 623, sổ Nhật ký chung (Bảng 2.25) và sổ cái TK 623

**Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 623**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (Trích)**

TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công

Quý I/2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/01	BKHĐ, CT 05	31/01	Chi phí MTC tháng 1 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	10.560.000	
28/02	BKHĐ, CT 19	28/02	Chi phí MTC tháng 2 công trình Trường chuyên Hà Nma	1413	15.620.000	
31/03	BKHĐ, CT 33	31/03	Chi phí MTC tháng 3 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	14.300.000	
31/03	PKT		Kết chuyển chi phí MTC	154		40.480.000
			<b>Tổng phát sinh</b>		<b>40.480.000</b>	<b>40.480.000</b>
			<b>Dư cuối kì</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

### Bảng 2.11. Sổ cái TK 623

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích)

Tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Quý I/2015

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
BKHD, CT 05	31/1	Chi phí MTC tháng 01 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	10.560.000	
BKHD, CT 06	31/1	Chi phí MTC tháng 01 Bệnh viện Phủ Lý	1413	7.700.000	
BKHD, CT 19	28/2	Chi phí MTC tháng 02 công trình Trường chuyên Hà Nam	1413	15.620.000	
		.....			
BKHD, CT 33	31/3	Chi phí MTC tháng 03 công trình Trường chuyên Hà Nam		14.300.000	
		...			
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí MTC công trình Trường chuyên Hà Nam	154		40.480.000
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí MTC công trình Bệnh viện Phủ Lý	154		37.620.000
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>78.100.000</b>	<b>78.100.000</b>
		<b>Dư cuối kì</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

#### 2.2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

CPSXC là chi phí dùng để quản lý phục vụ sản xuất trong phạm vi công ty.

Đề tập hợp CPSXC, kế toán ở công ty sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung, và được chi tiết theo từng công trình. CPSXC ở công ty hiện nay bao gồm các khoản mục sau:

TK 6271- Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272 - Chi phí vật liệu phục vụ sản xuất ở phân xưởng

TK 6273 - Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ ở phân xưởng

TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ và sửa chữa TSCĐ ở phân xưởng

TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền

#### **Chi phí nhân viên quản lý**

Chi phí này bao gồm các khoản lương chính, lương phụ làm thêm, tiền ăn ca, bảo hiểm các loại cho các nhân viên quản lý trong Đội, tổ xây dựng, nhân viên giám sát kỹ thuật.

Bảo hiểm các loại được tính trên lương tính trên hệ số tay nghề và cơ bản

$$\text{Thực lĩnh} = \text{Tiền lương theo ngày LD} - \text{BH các loại}$$

Hàng tháng, Ban chỉ huy công trình theo dõi thời gian lao động cho từng nhân viên trên bảng chấm công. Việc hạch toán lương do phòng kế toán Công ty thực hiện dựa trên các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước. Việc tính lương cho từng người sẽ được thể hiện trên bảng thanh toán lương và phụ cấp của nhân viên toàn công ty.

Theo quy định của công ty hiện nay, lương cán bộ nhân viên đội xây dựng được tính theo ngày công lao động, lương của Đội trưởng đội xây dựng là 230.000đ/công/ngày lao động, các nhân viên còn lại trong bộ phận quản lý đội xây dựng: lương đội phó và kỹ thuật viên là 215.000đ/công/ngày lao động, kế toán đội là 150.000đ/công/ngày lao động. Các khoản trích theo lương được tính trên lương cơ bản và bậc lương (=1.450.000 x hệ số bậc lương x %bảo hiểm). Hiện nay, mức lương cơ bản đang được áp dụng tại công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành là 1.450.000đ/người/tháng.



Tiền lương tính theo hệ số bậc lương của nhân viên quản lý đội xây dựng số 1 được xác định như sau:

**Biểu 2.14. Lương cán bộ quản lý đội xây dựng số 1**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**LƯƠNG NHÂN VIÊN QUẢN LÝ ĐỘI XÂY DỰNG**

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Họ tên	Chức vụ	Bậc lương	Mức lương
1	Phạm Gia An	Đội trưởng	3,7	5.365.000
2	Văn Bảo Vũ	Đội phó	3,4	4.930.000
3	Nguyễn Ánh Ba	Kỹ thuật viên	3	4.640.000
4	Hoàng Hải Thân	Kế toán	2,34	3.393.000
	<b>Cộng</b>			<b>18.038.000</b>

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Đội trưởng đội XD**

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Ngày công của nhân viên quản lý đội được tính dựa trên bảng chấm công:

**Bảng 2.12. Bảng chấm công bộ phận quản lý Đội**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**BẢNG CHẤM CÔNG BỘ PHẬN QUẢN LÝ**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng						
			1	2	3	...	30	31	Cộng
1	Phạm Gia An	Đội trưởng	X	X	X		X	X	30
2	Văn Bảo Vũ	Đội phó	X	X	N		X	X	29
3	Nguyễn Ánh Ba	Kỹ thuật	X	X	X		N	X	27
4	Hoàng Hải Thân	Kế toán	N	X	X		X	X	25
	<b>Cộng</b>								<b>111</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Đội trưởng đội XD**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Trong đó:

X- đi làm

N- Nghỉ làm

**Ví dụ:** Trong tháng 1, tại công trình Trường chuyên Hà Nam, đội trưởng đội xây dựng Phạm Gia An đi làm 30 ngày

Lương tính theo ngày công hiện nay của công ty đối với bộ phận quản lý đội thi công cho đội trưởng là 230.000/công/ngày là:

$$230.000 \times 30 = 6.900.000 \text{ đồng}$$

Các khoản trích theo lương tính trên bậc lương và lương cơ bản. Trong đó bậc lương của anh là 3,7.

$$\text{- Trừ vào chi phí: } 5.365.000 \times 24\% = 1.287.600$$

$$\text{- Trừ vào lương: } 5.365.000 \times 10,5\% = 563.325$$

=>Vậy Tiền thực lĩnh của anh sẽ là:

$$6.900.000 - 563.325 = 6.336.675 \text{ đồng}$$

**Bảng 2.13. Bảng thanh toán tiền lương bộ phận quản lý đội**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG BỘ PHẬN QUẢN LÝ ĐỘI TẠI CÔNG TY (Trích)**

**Đội thi công số 1**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Số thẻ	Họ và tên	Công	Tổng lương	Hệ số lương	Lương cơ bản	Trích theo lương (10,5%)	BHXX (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thực lĩnh	Ký nhận
1	Phạm Gia An	30	6.900.000	3,7	5.365.000	563.325	429.200	80.475	53.650	6.336.675	
2	Văn Bảo Vũ	29	6.235.000	3,4	4.930.000	517.650	394.400	73.950	49.300	5.717.350	
3	Nguyễn Ánh Ba	27	5.805.000	3	4.350.000	456.750	348.000	65.250	43.500	5.348.250	
4	Hoàng Hải Thân	25	3.750.000	2,34	3.393.000	356.265	271.440	50.895	33.930	3.393.735	
<b>Cộng</b>		<b>111</b>	<b>22.690.000</b>		<b>18.038.000</b>	<b>1.893.990</b>	<b>1.443.040</b>	<b>270.570</b>	<b>180.380</b>	<b>20.796.010</b>	

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.14. Bảng kê nộp các khoản trích theo lương**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**BẢNG KÊ NỘP CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Tổng lương trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			Kinh phí công đoàn			
		Tổng số (32,5%)	Trích vào chi phí (22%)	Trừ vào lương (10,5%)	Trừ vào chi phí (2%)	Trừ vào lương	Phải nộp cấp trên	Chi tại đơn vị
1	18.038.000	6.862.350	3.968.360	1.893.990	360.760			360.760
	<b>Cộng</b>	<b>6.862.350</b>	<b>3.968.360</b>	<b>1.893.990</b>	<b>360.760</b>			<b>360.760</b>

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Dựa vào bảng thanh toán tiền lương, bảng kê nộp các khoản trích theo lương, bảng chấm công, kế toán ghi nhận chi phí tiền lương bộ phận quản lý đội:

Nợ TK 1413	27.019.120
Có TK 334	22.690.000
Có TK 338	4.329.120

**Bảng 2.15. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí nhân viên quản lý đội**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ**

**Số: 07**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Tháng	Tên CT	Nội dung chi	Tổng	Trích theo lương	Cộng
1	01	BTL NVQL & BTTL	Chi phí lương nhân viên quản lý đội	22.690.000	4.329.120	27.019.120
		<b>Cộng</b>				<b>27.019.120</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Căn cứ vào các chứng từ gốc mà đội gửi lên, cuối tháng, kế toán công ty quyết toán chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội:

Nợ TK 6271 – TCHN	27.019.120
Có TK 1413	27.019.120

**Chi phí khấu hao tài sản cố định:**

Công ty tính khấu hao TSCĐ cho từng tháng. Cuối mỗi tháng, kế toán Công ty tiến hành lập Bảng tính và phân bổ KH tất cả các TSCĐ, bao gồm cả TSCĐ phục vụ xây lắp và TSCĐ phục vụ văn phòng và phân bổ cho từng bộ phận trong Công ty.

TSCĐ của công ty là: máy vi tính,... Trong đó phần lớn được dùng trong sản xuất chung. Kế toán căn cứ vào tỉ lệ khấu hao đã được quy định và nguyên giá của các máy móc thiết bị, nhà xưởng để tính ra mức khấu hao hàng tháng chi tiết từng đội xây dựng.

Để tập hợp chi phí khấu hao TSCĐ kế toán sử dụng TK 627.4 – Chi phí khấu hao TSCĐ và phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

Khi tam ứng chi phí khấu hao TSCĐ cho đội xây lắp, kế toán ghi nhận như sau:

Có TK 214	1.548.322
-----------	-----------

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao
<b>I</b>	<b>Khâu hao TSCĐ đã trích tháng trước</b>		<b>90.400.000</b>	<b>1.832.000</b>
<b>II</b>	<b>Khấu hao TSCĐ trích trong tháng này</b>			
1	KH tính bổ sung cho TSCĐ tăng tháng trước			
2	KH tính cho TSCĐ tăng trong tháng này			
	Dàn máy tính	5 năm	35.500.000	591.667
	Máy in	5 năm	12.000.000	200.000
	.....		.....	.....
<b>III</b>	<b>Số khấu hao giảm trong tháng</b>			
<b>IV</b>	<b>Số khấu hao phải trích tháng này</b>		<b>84.800.000</b>	<b>1.548.322</b>

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.17. Bảng tổng hợp chứng từ chi phí khấu hao TSCĐ**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ**

**Số: 11**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

S T T	Tháng	Tên CT	Nội dung chi	Số tiền	Trích khác	Cộng
1	01	BPBKH	Chi phí lương khấu hao TSCĐ	1.548.322	-	1.548.322
		<b>Cộng</b>				<b>1.548.322</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Dựa vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán quyết toán tạm ứng chi phí khấu hao TSCĐ và ghi nhận chi phí khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015:

Nợ TK 6274 - TCHN

1.548.322

Có TK 1413

1.548.322

**Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác:** Bao gồm các loại chi phí tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, các khoản chi phí giao dịch tiếp khách,... tại các đội các khoản chi phí này căn cứ vào hóa đơn, chứng từ gốc, phiếu chi để lập bảng kê chi tiền mặt phí dịch vụ mua ngoài.

Ví dụ: Ngày 24/01 Công ty thanh toán tiền điện thoại trong tháng 1 bằng tiền mặt, hóa đơn kèm theo 0000075 (tiền điện thoại này phục vụ riêng công trình Trường chuyên Hà Nam):

**Biểu 2.15. Hóa đơn dịch vụ viễn thông****HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE****Mẫu số: QA300/TTG****Ký hiệu: 13P/VV**

Liên 2: Giao khách hàng

**Số: 0000075****Mã số thuế: 0700521437**Viễn thông (Telecommunication): **Hà Nam**Tên khách hàng (Customer' Name): **CT Cổ phần Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**Địa chỉ: **Phủ Lý, Hà Nam**

Số ĐT (tel):

Mã số thuế: 0700500449

Hình thức thanh toán (kind of payment): Tiền mặt

<b>STT</b>	<b>Dịch vụ sử dụng (Kind of service)</b>	<b>Đơn vị tính (Unit)</b>	<b>Số lượng (Quantity)</b>	<b>Đơn giá (Price)</b>	<b>Thành tiền (Amount)</b>
01	Cước mạng tháng 01				585.200
Cộng tiền dịch vụ (Total)					532.000
Thuế suất GTGT 10% (VAT rate) Tiền thuế GTGT (mount)					53.200
<b>Cộng (Grand total)</b>					<b>585.200</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm đồng.

Ngày 15 tháng 01 năm 2015

**Người nộp tiền**

(Ký, họ tên)

**Nhân viên giao dịch**

(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Định kỳ hàng tháng kế toán đội tiền hành tập hợp toàn bộ hóa đơn, chứng từ phát sinh. Cuối tháng kế toán đội lập bảng kê thanh toán hóa đơn GTGT sau đó gửi về công ty:



**Bảng 2.18. Bảng kê thanh toán hóa đơn, chứng từ chi phí dịch vụ mua ngoài**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

**BẢNG KÊ THANH TOÁN HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

**Số: 13**

Tháng 01 năm 2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

STT	Chứng từ		Nội dung	Số tiền	Thuế GTGT	Tổng
	Số	Ngày, tháng				
1	HĐ 0000016	06/01	Thanh toán chi phí lần trại	730.000	73.000	803.000
2	HĐ 0000032	15/01	Chi phí tiếp khách	1.570.000	157.000	1.727.000
3	HĐ 0000075	24/01	Nộp tiền điện thoại	532.000	53.200	585.200
	.....	.....	.....	.....	....	...
<b>Cộng</b>				<b>3.834.000</b>	<b>383.400</b>	<b>4.217.400</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2015

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Kế toán công ty ghi nhận chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác cho công trình Trường chuyên Hà Nam trong tháng 1 năm 2015:

Nợ TK 6277 – TCHN

3.834.000

Nợ TK 133

383.400

Có TK 1413

4.217.400

Đội trưởng đội xây dựng viết Giấy đề nghị tạm ứng kèm theo các chứng từ liên quan tới chi phí sản xuất chung gửi lên công ty:

**Biểu 2.16. Giấy đề nghị tạm ứng**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**  
**Đội xây dựng số 1**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
**Độc lập – tự do – hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành

Tên tôi là: Phạm Gia An, Đội trưởng đội thi công số 1

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Đề nghị Công ty tạm ứng số tiền là: 32.410.442

(Viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng)

Lý do tạm ứng: Thanh toán tiền chi phí sản xuất chung

Thời hạn thanh toán: Ngày 31/01/2015

*Ngày 31 tháng 01 năm 2015*

**Giám đốc Công ty**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Người đề nghị tạm ứng**  
(ký, họ tên)  
(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Căn cứ vào các chứng từ gốc do kế toán đội gửi lên, kế toán công ty đối chiếu và ghi nhận chi phí sản xuất chung:

Nợ TK 1413

32.410.442

Có TK 111

32.410.442

Sau khi nhận được toàn bộ các hóa đơn cùng chứng từ liên quan, kế toán công ty tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chúng rồi lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung:



**Bảng 2.20. Sổ chi tiết TK 627**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (Trích)**

Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

Quý I/ 2015

TK 627- Công trình Trường chuyên Hà Nam

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
			Dư đầu kì		0	
31/01	BTHCT 07	31/01	Chi phí lương và các khoản trích theo lương nv quản lý	1413	27.019.120	
31/01	BTHCT 11	31/01	Chi phí khấu hao TSCĐ	1413	1.548.322	
31/01	BKHD, CT 13	31/01	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1413	3.834.000	
			.....			
28/02	BTH CPSXC 01	28/02	Chi phí SXC tháng 2 công trình TCHN		32.125.985	
			.....			
31/03	BTH CPSXC 03	31/03	Chi phí SXC tháng 2 công trình TCHN		34.410.896	
31/03	PKT	31/03	Kết chuyển chi phí sản xuất chung Quý I/2015	154		<b>98.938.323</b>
			<b>Tổng phát sinh</b>		<b>98.938.323</b>	<b>98.938.323</b>
			<b>Dư cuối kì</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

### Bảng 2.21. Sổ cái TK 627

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### SỔ CÁI (Trích)

Tên tài khoản: 627 – Chi phí sản xuất chung

Quý I/2015

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		0	
BTHCT 07	28/01	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương công trình TCHN	1413	27.019.120	
BTHCT 11	31/01	Chi phí khấu hao TSCĐ công trình TCHN	1413	1.548.322	
BKHD, CT 13	31/01	Chi phí dịch vụ mua ngoài công trình TCHN	1413	3.843.000	
		.....			
BTH CPSXC 03	28/02	Chi phí SXC tháng 2 công trình TCHN	1413	32.125.985	
		.....			
BTH CPSXC 05	31/03	Chi phí SXC tháng 3 công trình TCHN	1413	34.410.896	
		.....			
PKT	31/3	Kết chuyển chi phí SXC công trình Trường chuyên Hà Nam	154		98.938.323
PKT	31/3	Kết chuyển chi phí SXC công trình Bệnh viện Phủ Lý	154		82.590.741
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>181.529.064</b>	<b>181.529.064</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

#### 2.2.2.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

##### **Tổng hợp chi phí sản xuất:**

Định kỳ, kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành. Các chi phí sản xuất được tập hợp ở phần trên sẽ được kết chuyển vào bên nợ TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Căn cứ vào các chứng từ gốc, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp xuất vật tư, bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung, kế toán ghi sổ chi tiết chi phí sản xuất của từng công trình. Các sổ chi tiết chi phí sản xuất của từng tháng cho công trình. Các sổ chi tiết chi phí sản xuất của từng tháng là cơ sở để kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất cho từng quý chi tiết cho từng công trình và cho tất cả các công trình.

##### **Bảng 2.22. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

##### **BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**

Quý I/2015

Công trình: Trường chuyên Hà Nam

Tháng	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí MTC	Chi phí SXC	Tổng
1	259.730.000	73.925.000	10.560.000	32.794.742	377.009.742
2	121.500.000	71.000.750	15.620.000	32.125.985	240.246.735
3	119.390.000	74.590.000	14.300.000	34.410.896	242.690.896
<b>Tổng</b>	<b>500.620.000</b>	<b>219.515.750</b>	<b>40.480.000</b>	<b>98.938.323</b>	<b>859.947.373</b>

Ngày 31 tháng 03

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.23. Tổng hợp chi phí sản xuất TK 154**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG**

Quý I/2015

Công trình	Chia ra theo khoản mục TK				Tổng
	TK 621	TK 622	TK 623	TK627	
Trường chuyên Hà Nam	500.620.000	219.515.750	40.480.000	98.938.323	<b>859.554.703</b>
BV Phủ Lý	464.720.000	205.590.000	35.640.000	82.590.741	<b>788.540.741</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2. 24. Sổ chi tiết TK 154**  
**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (Trích)**  
 Tài khoản 154 – Tập hợp chi phí sản xuất  
 Quý 1/2015

Công trình: Trường huyện Hà Nam

Ngày GS	Số chứng từ	Ngày tháng	Nội dung	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/3	PKT	31/3	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu công trình TCHN	621	500.620.000	
31/3	PKT	31/3	Kết chuyển chi phí NCTT công trình TCHN	622	219.515.750	
31/3	PKT	31/3	Kết chuyển chi phí máy thi công công trình TCHN	623	40.480.000	
31/3	PKT	31/3	Kết chuyển SXC công trình TCHN	627	98.938.323	
31/12	PKT	31/3	Giá vốn công trình xây dựng	632		859.554.073
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>859.554.073</b>	<b>859.554.073</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)



### Bảng 2.25. Sổ cái TK 154

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### SỔ CÁI (Trích)

Tên tài khoản: 154 – Tập hợp chi phí sản xuất

Quý I/2015

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		0	
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu công trình TCHN	1413	500.620.000	
		...			
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí NCTT công trình TCHN	1413	219.515.750	
		....			
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí máy thi công công trình TCHN	1413	40.480.000	
		.....			
PKT	31/03	Kết chuyển chi phí SXC công trình TCHN	1413	98.938.323	
		.....			
PKT	31/03	Chi phí SXC tháng 3 công trình TCHN	1413	34.410.896	
		.....			
PKT	31/03	Giá vốn công trình TCHN	154		859.554.073
PKT	31/03	Giá vốn công trình Bệnh viện Phủ Lý	154		788.540.741
		<b>Tổng phát sinh</b>		<b>1.648.094.814</b>	<b>1.648.094.814</b>
		<b>Dư cuối kỳ</b>		<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

### 2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang của Công ty Cổ phần ĐT phát triển xây dựng Hà Thành bao gồm: Những công trình, HMCT đang xây dựng dở dang chưa được nghiệm thu. Công ty coi những công trình, HMCT đang xây dựng dở dang chưa được nhà thầu nghiệm thu đều là sản phẩm dở dang và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{CPSX} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị khối} \\ \text{lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành đã} \\ \text{nghiệm thu,} \\ \text{thanh toán} \end{array}$$

Trong đó:

- + CPSX dở dang đầu kỳ: CPSX kỳ trước chưa được nghiệm thu thanh toán chuyển sang.
- + CPSX thực tế phát sinh trong kỳ: bao gồm toàn bộ CPNVLT, CPSDMTC, CPNCTT, CPSXC phát sinh trong kỳ.

Giá trị khối lượng sản phẩm hoàn thành đã được nghiệm thu, thanh toán dựa trên điểm dừng kỹ thuật hợp lý của công trình thi công hay dựa trên hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

Việc đánh giá sản phẩm dở dang tùy thuộc vào đối tượng tính giá thành:

- + Khi đối tượng tính giá thành là toàn bộ công trình hoàn thành thì CPSX tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối quý là toàn bộ CPSX lũy kế phát sinh từ khi khởi công công trình cho đến cuối quý đó.
- + Khi đối tượng tính giá thành là các giai đoạn xây lắp đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý có giá trị dự toán riêng hoàn thành (công ty gọi là các hạng mục) thì sản phẩm dở dang là giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành, và được đánh giá theo chi phí thực tế.

Công trình Trường chuyên Hà Nam được thể hiện trong bài luận văn là công trình được khởi công từ tháng 1/2015 và hoàn thành vào tháng 3/2015 nên đến cuối kỳ kế toán công trình này không có khối lượng xây lắp dở dang.

### 2.2.4. Công tác kế toán tính giá thành

*Đối tượng và phương pháp tính giá thành*

Tại Công ty Cổ phần ĐT phát triển xây dựng Hà Thành, đối tượng tính giá thành được xác định như sau: Đối với các công trình bàn giao thanh toán khi hoàn thành toàn bộ công trình, Công ty thường tiến hành tính giá thành cho toàn bộ công trình khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. VD: Công trình Trường chuyên Hà Nam..... Công ty xác định kỳ tính giá thành là từ khi bắt đầu thi công đến khi công trình hoàn

thành. Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu quản lý của Ban lãnh đạo, Công ty có thể lên các sổ sách, báo cáo theo dõi công trình theo từng tháng.

Để phục vụ yêu cầu hạch toán cũng như yêu cầu quản lý, Công ty tính giá thành cho những công trình, HMCT đã hoàn thành hoặc tính đến thời điểm cuối năm.

Tại Công ty Cổ phần ĐT phát triển xây dựng Hà Thành, phần lớn đối tượng tính giá thành là công trình hoàn thành toàn bộ. Chỉ có công trình lớn, cần tiến hành xây dựng trong nhiều năm hoặc công trình công ty trúng thầu theo hạng mục của công trình thì đối tượng tính giá thành là các giai đoạn xây lắp đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý. **Công trình Trường chuyên Hà Nam** được công ty tiến hành xây dựng từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015, công trình đã hoàn thành và được bàn giao cho chủ đầu tư nên không có chi phí dở dang cuối kỳ. Bên cạnh đó, trong kỳ có Công trình Bệnh viện Phủ Lý hoàn thành. Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được, kế toán tiến hành tính giá thành thực tế của công trình theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{thành} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dở dang} \\ \text{SPXL} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

*Kế toán tính giá thành*

Cuối năm hoặc khi công trình hoàn thành, Kế toán tổng hợp số liệu để lên Thẻ tính giá thành sản phẩm xây lắp cho công trình, HMCT. Kế toán đã lập thẻ tính giá thành cho các công trình. Trong năm Công ty đã hoàn thành hai công trình: **Công trình Trường chuyên Hà Nam và Công trình Bệnh viện Phủ Lý**. Dưới đây là thẻ tính giá thành của công trình Trường chuyên Hà Nam

**Bảng 2.26. Thẻ tính giá thành SPXL**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP****Công trình:** Trường chuyên Hà Nam*(Thời gian thi công: Từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015)**Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Nội dung	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Giá thành sản phẩm xây lắp
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	500.620.000	-	500.620.000
2	Chi phí nhân công trực tiếp	-	219.515.750	-	219.515.750
3	Chi phí sử dụng máy thi công	-	40.480.000	-	40.480.000
4	Chi phí sản xuất chung	-	98.938.323	-	98.938.323
	<b>Cộng</b>	-	<b>859.554.073</b>	-	<b>859.554.073</b>

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

Từ tất cả những loại chứng từ, sổ sách ở trên, kết quả cuối cùng của công việc kế toán là lập ra được Báo cáo CPSX và giá thành sản phẩm. Bảng này tổng hợp lại tất cả những chi phí phát sinh trong quá trình thi công công trình và giá thành của SPXL.

**Bảng 2.27. Báo cáo CPSX và giá thành sản phẩm**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

**Công trình:** Trường chuyên Hà Nam

(Thời gian thi công: Từ tháng 1/2015 đến tháng 3/2015)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>A. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:</b>	<b>500.620.000</b>	
<b>B. Chi phí nhân công trực tiếp.</b>	<b>219.515.750</b>	
<b>C. Chi phí sản xuất chung:</b>	<b>98.938.323</b>	
<b>D. Chi phí sử dụng MTC</b>	<b>40.480.000</b>	
<b>E. Giá thành sản phẩm xây lắp:</b>	<b>859.554.073</b>	
1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	-	
2. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	859.554.073	
3. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	-	

**Người lập biểu**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.28. Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)**

Quý I/2015

(Đơn vị tính: đồng)

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....
05/01	0000014	05/01	Mua NVL xuất cho	1413	28.446.000	
			Trường chuyên HN	331		28.446.000
06/01	0000016	06/01	Thanh toán chi phí	1413	803.000	
			lần trại TCHN	111		803.000
08/01	0000009	08/01	Mua thép cuộn (CT	1413	30.195.000	
			trường chuyên HN)	331		30.195.000
...	....	....	.....	....	.....	.....
			Chi phí NVL tháng 1 công trình TCHN	621	295.730.000	
31/01	BKHD, CT 01	31/01		133	29.573.000	
				1413		285.703.000
31/01	BKHD, CT 03	31/01	CP NCTT tháng 1 công trình TCHN	622	73.925.000	
				1413		73.925.000
			CP máy thi công tháng 1 công trình TCHN	623	10.560.000	
31/01	BKHD,	31/01		133	1.056.000	
	CT 05			1413		11.616.000
31/1	BTHCPSXC01	31/01	Chi phí sản xuất chung tháng 1, CT TCHN	627	32.794.742	
				1413		32.794.742
...	...	...	...			
			Chi phí NVL tháng 2 công trình TCHN	621	121.500.000	
28/02	BKHD, CT 15	28/02		133	12.150.000	
				1413		133.650.000
28/02	BKHD, CT 17	28/02	Chi phí NCTT tháng 2 công trình TCHN	622	71.000.750	
				1413		71.000.750
			Chi phí MTC tháng 2 công trình TCHN	623	15.620.000	
28/02	BKHD, CT	28/02		133	1.562.000	

	19			1413		17.182.000
28/02	BTHCPSXC03	28/02	Chi phí sản xuất chung tháng 2, CT TCHN	627	32.125.985	
				1413		32.125.985
..	...	.....	.....	....	.....	.....
			Chi phí NVT tháng 3 công trình TCHN	621	119.390.000	
31/03	BKHD, CT 29	31/03		133	11.939.000	
				1413		131.329.000
31/03	BKHD, CT 31	31/03	Chi phí NCTT tháng 2 công trình TCHN	622	64.986.050	
				1413		64.986.050
			Chi phí MTC tháng 3 công trình TCHN	623	14.300.000	
31/03	BKHD, CT 33	31/03		133	1.430.000	
				1413		15.730.000
31/03	BTHCPSXC05	31/03	Chi phí sản xuất chung CT TCHN	627	34.410.896	
				1413		34.410.896
...	...	...				
31/03	PKT	31/03	Tổng hợp chi phí sản xuất	154	859.554.073	
				621		500.620.000
				622		219.515.750
				623		40.480.000
				627		98.938.323
31/03	PKT	31/03	Giá thành KLXL công trình TCHN	632	859.554.073	
				154		859.554.073

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

## **CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ THÀNH**

### **3.1. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành**

#### **3.1.1. Kết quả đạt được**

##### **Về bộ máy quản lý**

Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý. Các phòng ban chức năng làm việc có hiệu quả, cung cấp kịp thời và chính xác các thông tin cần thiết cho lãnh đạo Công ty để có những đối sách phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu quản lý, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### **Về tổ chức công tác kế toán**

Với việc lựa chọn hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung, Công ty đã làm giảm đi khối lượng tính toán, ghi chép; có khả năng tổng hợp, hệ thống hoá thông tin nhanh chóng chính xác phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp đáp ứng được một khối lượng nghiệp vụ kinh tế tài chính rất lớn phát sinh.

Phòng tài chính – kế toán Công ty có trình độ chuyên môn, tác phong làm việc nghiêm túc, có tinh thần trợ giúp nhau trong công việc, tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

Công ty đã và đang áp dụng chương trình hiện đại hóa trong công tác kế toán, giảm bớt khối lượng công việc và nâng cao hiệu suất công việc trong kế toán hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

##### **Về công tác chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty tương đối chặt chẽ và hợp lý trên cơ sở các quy định của Nhà nước và đặc điểm sản phẩm xây lắp.

##### **Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu**

Chi phí NVLTT là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm. Chi phí NVLTT tại công ty bao gồm nhiều chủng loại nhưng có sự phân chia hợp lý thành nhiều loại khác nhau thuận lợi cho việc hạch toán. Các chứng từ về NVLTT phát sinh được tập hợp tại các đội ngay tại công trình và cuối kỳ nộp lên phòng Tài chính – kế toán của công ty. Kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và tính toán dựa trên chứng từ rồi mới ghi sổ kế toán theo đúng chế độ và yêu cầu của công tác kế toán. Điều này giúp tiết kiệm thời gian mà vẫn đảm bảo theo dõi trực tiếp tại đơn vị thi công.

##### **Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**



Công ty áp dụng hình thức trả lương trực tiếp qua các Đội xây dựng, đối với công nhân lao động trực tiếp căn cứ vào các hợp đồng lao động, bảng chấm công. Các chứng từ về tiền lương do kế toán công trình lập, ghi rõ số công, số tiền của từng công nhân giúp cho công tác kiểm tra cũng như việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty được thuận lợi, rõ ràng. Đối với người lao động của Công ty, Công ty tiến hành trích lập các khoản theo lương theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

### **Về hạch toán chi phí sử dụng máy thi công**

Vì việc luân chuyển giữa các công trình khó khăn nên công ty có chính sách thuê toàn bộ máy thi công phục vụ cho các công trình. Việc này tuy có phát sinh chi phí nhưng là điều phù hợp đối với các Doanh nghiệp xây lắp có đặc trưng là các công trình không tập trung tại một khu vực mà rải rác các địa điểm khác nhau.

### **Về hạch toán chi phí sản xuất chung**

Sử dụng tài khoản 627 để hạch toán chi phí sản xuất chung. Công ty phân loại và hạch toán chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Các khoản chi phí SXC phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì được hạch toán vào công trình đó, còn đối với những khoản chi phí SXC phát sinh liên quan tới nhiều công trình thì được tập hợp lại và phân bổ theo chi phí NCTT. Phương pháp này được áp dụng thống nhất và có tiêu thức phân bổ hợp lý. Những điều trên đã góp phần phản ánh đầy đủ và chính xác các khoản chi phí SXC của từng công trình.

#### ***3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại và cần khắc phục***

Trong quá trình trưởng thành và phát triển, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể trong tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như trong công tác quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực kế toán. Tuy nhiên hệ thống kế toán nói chung và kế toán CPSX, tính giá thành nói riêng vẫn còn một số tồn tại và cần được quan tâm xem xét. Công ty vẫn cần tiếp tục hoàn thiện nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng những quy định về tài chính, kế toán của Nhà nước.

#### ***Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Do đặc điểm vật liệu tại Công ty, vật liệu không được nhập toàn bộ vào kho tại công trường mà có một số nguyên vật liệu có khối lượng lớn như cát, đá.. thường được đưa thẳng tới chân công trình vì vậy không tránh khỏi những mất mát, hao hụt.

Công ty cũng chưa thành lập Ban giao nhận vật tư nhập kho mà việc mua, nhập, xuất nguyên vật liệu để thi công công trình đều do 1 người phụ trách. Việc quản lý lỏng lẻo như thế sẽ dễ xảy ra những tiêu cực trong quá trình thu mua vật tư như: có thể dẫn đến tình trạng người mua sẽ thông đồng với bên cung cấp vật tư, sử dụng các hóa đơn chứng từ khai tăng khối lượng vật tư. Từ đó sẽ làm ảnh hưởng đến việc tính toán giá thành của công trình không chính xác.

### *Chi phí nhân công trực tiếp*

Việc tính tiền lương theo hình thức trả lương theo ngày lao động dẫn đến việc công nhân sẽ không nhiệt tình sản xuất, số sản phẩm sản xuất có thể không đủ định mức đặt ra dẫn đến tiến độ sản xuất không đảm bảo.

### *Về việc luân chuyển chứng từ*

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban diễn ra thường xuyên tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên nơi lỏng việc quản lý chứng từ.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành**

### **3.2.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Để quản lý chặt chẽ vật tư, cuối kỳ hạch toán nên kiểm kê số vật tư còn lại tại chân công trình để kiểm tra được định mức sử dụng vật tư, đồng thời giám ghi giảm chi phí, đảm bảo tính phù hợp chính xác của giá trị sản phẩm dở dang cũng như giá thành công trình trong kỳ hạch toán.

Nếu vật tư còn lại tạm thời không được sử dụng nữa thì lập phiếu nhập kho và nộp lại kho. Nếu vật tư còn sử dụng tiếp thì bộ phận sử dụng lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ làm hai bản. Một bản giao cho phòng vật tư, một bản giao cho phòng kế toán.

### **Biểu 3.1. Phiếu giao nhận vật tư**

**Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành**

**Đội xây dựng số 1**

### **PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ**

Ngày....tháng....năm....

Công trình:...

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do SD
1					
2					
....					

Ngày...tháng...năm...

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Đội trưởng đội XD**

(Ký, họ tên)

Mặt khác, để tránh hao hụt vật tư trong quá trình nhập mua, Công ty cần có những biện pháp chặt chẽ hơn như công ty có thể liên hệ với những nhà cung cấp, thường xuyên

đối chiếu số liệu với nhà cung cấp. Công ty nên lập ban giao nhận vật tư để tiến hành kiểm tra, nhận vật tư theo đúng số lượng thực tế, và lập biên bản giao nhận vật tư.

Ví dụ, tại công trình Trường chuyên Hà Nam, ngày 05 tháng 1 năm 2015, sau khi Đội trưởng đội xây dựng số 1 mua vật tư và chuyển thẳng về tập kết tại công trình, Công ty sẽ cử nhân viên làm việc với Công ty cổ phần thương mại Hải Hưng, tiến hành lập Biên bản giao nhận vật tư. Biên bản này do nhân viên công ty trực tiếp lập và chuyển về Công ty lưu giữ, hoàn toàn không liên quan tới đội xây dựng số 1

### **Biểu 3.2. Biên bản giao nhận vật tư**

#### **BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ**

*Ngày 05 tháng 01 năm 2015*

Địa điểm giao: Tại Công trình Trường chuyên Hà Nam

Công trình/Dự án: Công trình Trường chuyên Hà Nam

#### **Bên giao hàng**

Ông (Bà): Lê Văn Hải      Đại diện: Công ty Cổ phần thương mại Hải Hưng

#### **Bên nhận hàng**

Ông (Bà): Vũ Anh Tuấn      Đại diện: Công ty Cổ phần ĐT phát triển xây dựng Hà Thành  
Tiến hành bàn giao số lượng vật tư như sau :

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạch ốp 25x40	Hộp	50	93.000	4.650.000	
2	Gạch 25x25	Hộp	35	84.000	2.940.000	
3	Gạch 50x50	Hộp	210	87.000	18.270.000	

*Ngày 05 tháng 01 năm 2015*

**Đại diện bên giao**

*(Ký, họ tên)*

**Đại diện bên nhận**

*(Ký, họ tên)*

### **3.2.2. Chi phí nhân công trực tiếp**

Công ty phải thường xuyên liên tục giám sát chặt chẽ quá trình thi công công trình của các đội xây dựng, từ đó giảm thiểu tình trạng thất thoát, rút ruột công trình. Đồng thời có những chế độ khen thưởng kịp thời cho những đối tượng có sự sáng tạo, có giải pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để khuyến khích họ tích cực làm việc và làm việc có hiệu quả, năng suất cao.

Công ty nên áp dụng phương thức khoán sản phẩm để nâng cao trách nhiệm của đội xây dựng, khuyến khích đổi mới tổ chức, quản lý sản xuất, nâng cao trình độ chuyên môn người lao động.

### 3.2.3. Lập bảng phân bổ lương và bảo hiểm

Để cho việc hạch toán, kiểm tra tiền lương và bảo hiểm của Công ty được dễ dàng, chi tiết, công ty nên lập bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm. Mẫu bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính

### 3.2.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và bên nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

#### **Biểu 3.3. Phiếu giao nhận chứng từ**

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư Phát triển XD Hà Thành

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam

#### **PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

*Từ ngày ....đến ngày....*

Vật liệu	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền

*Ngày...tháng...năm...*

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Đội trưởng đội XD**

(Ký, họ tên)

### 3.2.5. Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Hiện nay công ty hạch toán kế toán hoàn toàn là thủ công, do vậy việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là cần thiết. Công ty nên sử dụng các phần mềm kế toán bởi các lợi ích mà phần mềm kế toán đem lại là:

Thu thập, xử lý thông tin một cách nhanh chóng;

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính;

Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng;

Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau;

Sử dụng phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc, có tính chính xác cao.

Vì những lý do trên mà công ty nên áp dụng phần mềm kế toán cho phù hợp và tiến hành đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho nhân viên. Một số phần mềm kế toán chuyên nghiệp mà công ty nên lựa chọn đó là:

Phần mềm kế toán MISA

Phần mềm kế toán EFFECT

Phần mềm kế toán BRAVO

Phần mềm kế toán SAS INNOVA

Phần mềm kế toán ACMAN....

## KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng vai trò rất quan trọng với các doanh nghiệp xây lắp, đặc biệt trong tình hình kinh tế hiện nay khi Nhà nước giao trách nhiệm cho các doanh nghiệp trước sự đòi hỏi phức tạp và tính cạnh tranh gay gắt của thị trường. Do đó, việc cải thiện, đổi mới, tổ chức hợp lý quá trình kế toán nói chung, quá trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng là hết sức thiết thực đối với doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành, tìm hiểu thực trạng kế toán của Công ty thì nhìn chung, em đã phần nào hiểu được cách thức hạch toán cơ bản của kế toán CPSX và tính giá thành SPXL tại Công ty. Bản thân em nhận thấy công tác kế toán chung cũng như công tác kế toán CPSX và tính giá thành SPXL tại Công ty đã đáp ứng được phần nào cho nhu cầu quản lý. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu việt thì vẫn còn một số hạn chế nhất định cần khắc phục.

Với những kiến thức đã học ở nhà trường và qua tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty, em đã mạnh dạn nêu một số ý kiến của bản thân nhằm làm cho công tác kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm được hoàn thiện hơn. Để có thể thực hiện tốt các giải pháp hoàn thiện này không chỉ đòi hỏi sự cố gắng, nỗ lực riêng của Công ty mà còn cần sự chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ từ phía các ban ngành liên quan.

Do thời gian có hạn, kinh nghiệm thực tế chưa có nên bài viết này chắc chắn không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để kiến thức ngày một hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn toàn thể các anh chị trong phòng Tài vụ - Kế toán Công ty cổ phần ĐT phát triển xây dựng Hà Thành. Đặc biệt, xin cảm ơn Giảng viên - Th.s Nguyễn Thanh Huyền đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

*Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2015*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2011), “*26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam*”, NXB Lao động.
2. Bộ Tài chính (2011), “*Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán*”, NXB Thời đại.
3. Bộ Tài chính (2010), “*Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán*”, NXB Lao động.
4. Bộ Tài chính (2006), “*Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006*”.
5. Bộ Tài chính (2009), “*Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009*”.
6. PGS.TS Đặng Thị Loan (2013), “*Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp*”, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. GS. TS. NGND Ngô Thế Chi (Chủ biên) (2010), “*Giáo trình Kế toán Tài chính*”, NXB Tài chính.
8. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2006), “*Lý thuyết và thực hành Kế toán tài chính*”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
9. TS. Nguyễn Vũ Việt, Th.s. Nguyễn Thị Hòa (Đồng chủ biên) (2010), “*Giáo trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp*”, NXB Tài chính.
10. TS. Võ Văn Nhị (2004), “*Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới*”, NXB Tài chính.
11. Th.S Vũ Thị Kim Lan (2014), “*Bài giảng môn Kế toán tài chính 3*”.
12. Một số tài liệu của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành